

Kinh tế vĩ mô tháng 11 năm 2023: Những điểm nổi bật

Những điểm nổi bật của kinh tế, giá cả, tài chính tiền tệ quốc tế

- Các nền kinh tế lớn chưa có được những tín hiệu tích cực; hoạt động của khu vực sản xuất phần lớn vẫn trong trạng thái thu hẹp;
- Chỉ số giá bình quân nhóm hàng năng lượng tiếp tục giảm, giá nhóm hàng phi năng lượng đã tăng trở lại ngoại trừ giá nhóm hàng phân bón;
- Trên thị trường ngoại hối, đồng USD đã giảm sau 03 tháng tăng liên tiếp, các đồng tiền mạnh khác đã hồi phục mạnh mẽ so với đồng đô la. Giá vàng tiếp tục tăng so với tháng trước;
- Thị trường chứng khoán toàn cầu đã tăng trở lại sau 03 tháng giảm điểm, chỉ số MSCI ACWI đạt 694,38 điểm, tăng 9,01% so với cuối tháng trước.

Những điểm nổi bật của kinh tế trong nước

- Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp - IIP tháng 11/2023 ước tăng ước tăng 3% so với tháng trước và tăng 5,8% so với cùng kỳ năm. Chỉ số PMI ngành sản xuất tiếp tục giảm, đạt 47,3 điểm;
- Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước tháng 11/2023 ước tính đạt 70,3 nghìn tỷ đồng, tăng 19,9% so với cùng kỳ năm trước; Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện trong 11 tháng ước tính đạt 20,25 tỷ USD, tăng 2,9% so với cùng kỳ năm trước;
- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trong tháng 11/2023 ước đạt 552,7 nghìn tỷ đồng, tăng 1,4% so với tháng trước và tăng 10,1% so với cùng kỳ năm trước;
- Kim ngạch xuất khẩu ước đạt 31,08 tỷ USD, giảm 3,6% so với tháng trước và kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước đạt ước đạt 29,8 tỷ USD, tăng 1%;
- Chỉ số giá tiêu dùng tháng 11/2023 tăng 0,25% so với tháng trước, tăng 3,59% so với cùng kỳ năm trước, CPI bình quân 11 tháng tăng 3,22% so với bình quân cùng kỳ năm trước;
- Lãi suất huy động tiếp tục giảm trong toàn hệ thống, tỷ giá giao dịch tại ngân hàng đã giảm trở lại;
- Thị trường chứng khoán Việt Nam đã có nhịp phục hồi tốt; Kết thúc tháng 11/2023, chỉ số VN-Index đạt 1.094,13 điểm, tăng 6,41% so với tháng trước.

KINH TẾ THẾ GIỚI

1. Kinh tế thế giới

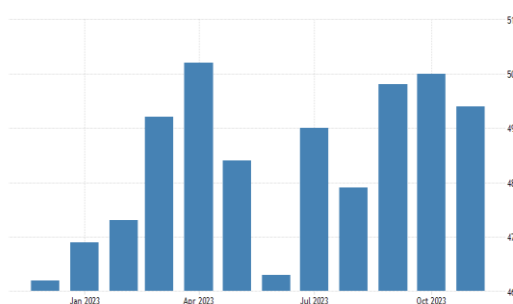
Nhu cầu của nền kinh tế Mỹ đã có tín hiệu chậm lại

Kinh tế Mỹ trong tháng 11/2023 không có thêm các tín hiệu tích cực từ khu vực sản xuất, trạng thái thu hẹp đã xuất hiện trở lại sau khi có tín hiệu cải thiện nhẹ trong tháng 10/2023. Chỉ số PMI trong lĩnh vực sản xuất đã giảm xuống 49,4 điểm từ mức 50 điểm của tháng trước – thấp hơn một chút so với kỳ vọng của thị trường ở mức 49,8 điểm. Đồng thời, đây cũng là mức thu hẹp mạnh nhất trong vòng 03 tháng vừa qua, xuất hiện rõ nét nhất qua hoạt động mua hàng và lượng hàng tồn kho của nhà sản xuất. Bên cạnh đó, khu vực dịch vụ vẫn duy trì được đà mở rộng, chỉ số PMI trong lĩnh vực này đạt 50,8 điểm, tăng nhẹ 0,2 điểm so với tháng trước, ghi nhận diễn biến mở rộng lần đầu tiên của hoạt động kinh doanh mới trong 4 tháng gần đây. Mặc dù vậy, trong lĩnh vực dịch vụ cũng đã xuất hiện một số tín hiệu thiếu tích cực về sản lượng, việc làm và kỳ vọng kinh doanh.

Thêm vào đó, doanh thu bán lẻ của Mỹ đã xuất hiện diễn biến giảm đầu tiên sau chuỗi tăng trong 06 tháng, doanh số bán lẻ theo số liệu mới nhất đã giảm 0,1%. Trong đó, đáng kể là doanh số bán hàng nội thất, các cửa hàng tổng hợp, các đại lý xe cơ giới và phụ tùng đã giảm giao động từ 1,1% - 2%. Trong bối cảnh lo ngại việc các bất ổn kinh tế kéo dài, việc cắt giảm chi tiêu của người dân Mỹ đã ảnh hưởng đến xu hướng giảm của chỉ số niềm tin người tiêu dùng, hiện đạt 61,3 điểm – mức thấp nhất kể từ tháng 5/2023.

Lạm phát tháng 11/2023 tiếp tục giảm thêm 0,1 điểm phần trăm so với tháng trước, ở mức 3,1%, diễn biến phù hợp với kỳ vọng của thị trường. Tỷ lệ thất nghiệp ở Mỹ trong tháng 11/2023 đã giảm 0,2 điểm phần trăm, ở mức 3,7% – mức thấp nhất kể từ tháng 7/2023.

Chỉ số PMI sản xuất



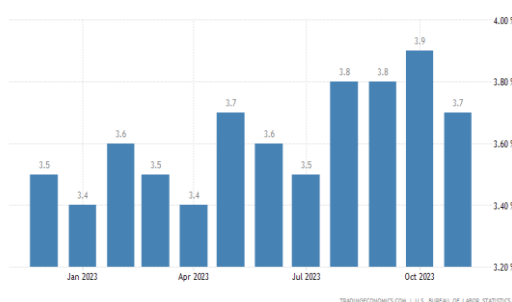
Diễn biến lạm phát (so với cùng kỳ)



Chỉ số niềm tin người tiêu dùng



Tỷ lệ thất nghiệp (so với cùng kỳ)



Nguồn: Trading economics

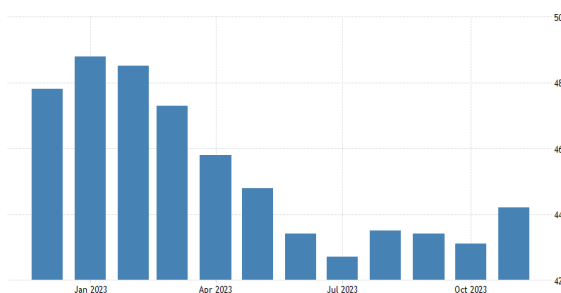
Kinh tế khu vực Châu Âu chưa thoát khỏi trạng thái thu hẹp

Các khu vực kinh tế của Châu Âu chưa có thêm tín hiệu tích cực rõ rệt, trạng thái thu hẹp tiếp tục xuất hiện mặc dù các chỉ số đã được cải thiện nhẹ so với tháng trước. Thực tế trên bị tác động đáng kể bởi tình trạng suy giảm mạnh của các nền kinh tế công nghiệp trong khu vực, đáng chú ý là tình trạng của Đức. Trong tháng 11/2023, chỉ số PMI trong lĩnh vực sản xuất đạt 44,2 điểm, tăng 1,1 điểm so với tháng trước. Trong đó, sản lượng hàng hóa sản xuất đã giảm 8 tháng liên tiếp, đơn đặt hàng mới, hoạt động mua hàng, tồn kho đều có diễn biến tương tự. Tuy nhiên tốc độ giảm của các hoạt động sản xuất chính đã yếu hơn so với tháng 10/2023 và giá cả hàng hóa đầu vào và đầu ra cũng đang có xu hướng giảm mạnh. Bên cạnh đó, PMI trong lĩnh vực dịch vụ đạt 48,7 điểm, tăng 0,9 điểm so với tháng trước – kéo dài chuỗi thu hẹp trong 4 tháng liên tiếp, đáng chú ý là giá cả hàng hóa trong lĩnh vực dịch vụ đang có xu hướng tăng mạnh. Mặc dù vậy, diễn biến kinh tế hiện tại vẫn cao hơn kỳ vọng của thị trường từ 0,1 – 0,4 điểm, nhờ đó niềm tin người tiêu dùng đã được cải thiện từ mức -17,9 điểm lên -16,9 điểm.

Bên cạnh đó, lĩnh vực tiêu dùng đã có tín hiệu tốt hơn tháng trước, cụ thể, doanh thu bán lẻ theo tháng mới nhất đã tăng nhẹ 0,1% - kết thúc chuỗi giảm trong 03 tháng liên tục. Tuy nhiên, diễn biến giảm tiếp tục xuất hiện đối với các hàng hóa thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, nhiên liệu,...

Lạm phát tiếp tục giảm trong tháng 11/2023 đạt 2,4%, giảm 0,5 điểm phần trăm so với tháng trước – mức thấp nhất kể từ tháng 7/2021. Bên cạnh đó, lạm phát cơ bản cũng giảm 0,6 điểm phần trăm, ở mức 3,6%. Trong khi đó, tỷ lệ thất nghiệp theo số liệu mới nhất tiếp tục ổn định ở mức 6,5%.

Chỉ số PMI sản xuất



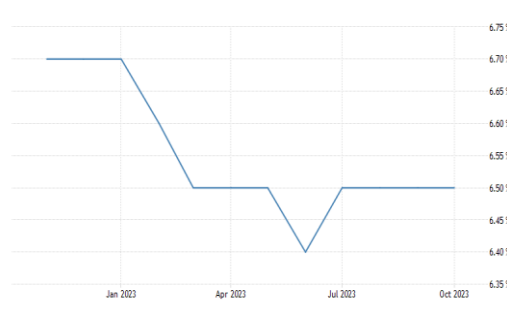
Diễn biến lạm phát (so với cùng kỳ)



Chỉ số niềm tin người tiêu dùng



Tỷ lệ thất nghiệp (so với cùng kỳ)



Nguồn: Trading economics

Kinh tế Nhật Bản

Giữa tháng 11/2023, kinh tế Nhật Bản đã đón nhận kết quả kinh tế suy giảm theo quý lần đầu tiên kể từ đầu năm, GDP quý III giảm 2,1% so với quý trước,

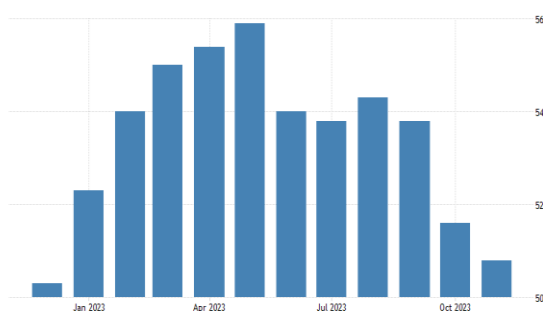
gần như không có tín hiệu cải thiện so với tháng trước

ghi nhận xu hướng giảm của cả khu vực tiêu dùng tư nhân và doanh nghiệp với mức giảm lần lượt là 0,2% và 2,5%. Đồng thời, kinh tế Nhật Bản gần như cũng không có được sự dịch chuyển đáng kể trong tháng 11/2023 so với tháng trước. Trong đó, khu vực sản xuất vẫn chưa có tín hiệu cải thiện, chỉ số PMI sản xuất đã giảm 0,4 điểm, đạt 48,3 điểm – chuỗi thu hẹp liên tục kể từ tháng 5/2023. Và chỉ số PMI trong lĩnh vực dịch vụ cũng có xu hướng giảm so với tháng trước đạt, 50,8 điểm – ở ngưỡng mở rộng thấp nhất kể từ đầu năm.

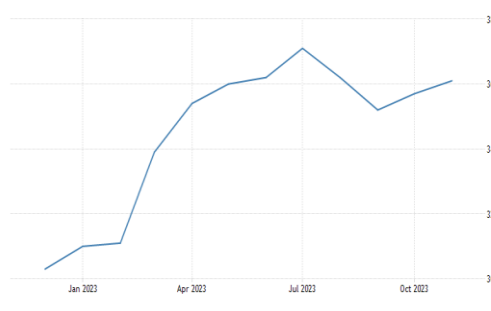
Doanh số bán lẻ hàng hóa theo tháng mới nhất tiếp tục có diễn biến giảm, thậm chí còn giảm mạnh hơn tháng trước 0,06 điểm phần trăm, đạt -1,6%. Tuy nhiên, niềm tin người tiêu dùng tiếp tục được cải thiện từ mức 35,7 điểm lên 36,1 điểm.

Trong khi đó, thâm hụt thương mại theo số liệu công bố mới nhất đã giảm mạnh so với cùng thời điểm năm ngoái, đạt 662,55 tỷ JPY. Hoạt động xuất khẩu tiếp tục tăng 1,6% so với cùng kỳ trong khi đó, hoạt động nhập khẩu tiếp tục giảm 12,5%, mức giảm phản ánh giá các mặt hàng năng lượng giảm trong kỳ báo cáo.

Chỉ số PMI sản xuất



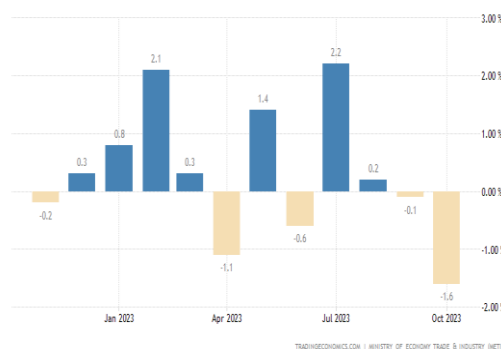
Chỉ số niềm tin người tiêu dùng



Cán cân thương mại qua các tháng (so với cùng kỳ)



Doanh số bán lẻ hàng hóa (so với tháng trước)



Nguồn: Trading economics

Kinh tế Trung Quốc tiếp ghi nhận các tín hiệu thấp hơn tháng trước

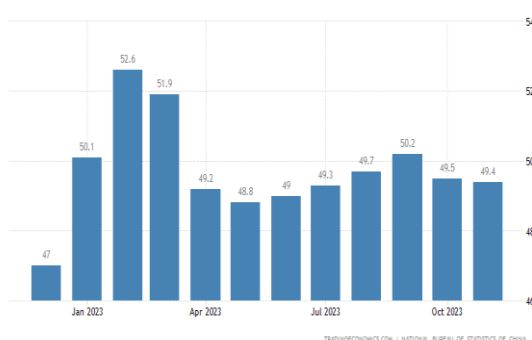
Kinh tế Trung Quốc trong tháng 11/2023 tiếp tục ghi nhận những kết quả không mấy tích cực trong các khu vực kinh tế quan trọng. Số liệu do Tổng cục thống kê Trung Quốc công bố cho thấy tín hiệu thu hẹp vẫn xuất hiện trong lĩnh vực sản xuất, thậm chí còn giảm nhẹ 0,1 điểm so với tháng trước, ở mức 49,4 điểm – thấp hơn kỳ vọng của thị trường. Trong khi đó, điều kiện kinh doanh của các doanh nghiệp trong các lĩnh vực khác vẫn duy trì được trạng thái mở rộng nhưng tốc độ đã giảm so với tháng trước, giảm từ 50,6 điểm xuống 50,2 điểm. Trong đó đáng chú ý là đơn đặt hàng mới, đặc biệt là đơn hàng xuất khẩu có xu

hướng giảm liên tục và việc làm trong cả lĩnh vực sản xuất và phi sản xuất chưa có khởi sắc.

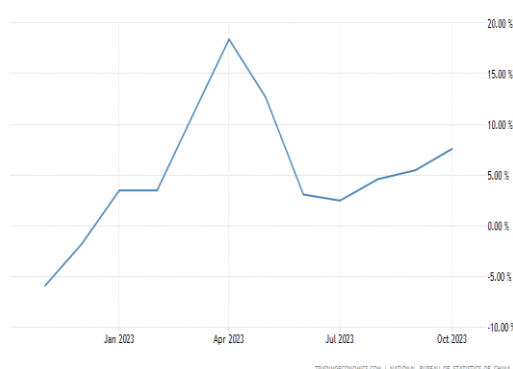
Nền kinh tế tiếp tục đón nhận sự phục hồi của hoạt động tiêu dùng, theo số liệu công bố mới nhất doanh thu bán lẻ đã tăng 0,07% so với tháng trước và tăng 7,6% so với cùng kỳ - duy trì đà tăng trong 04 tháng liên tiếp. Trong khi đó, hoạt động xuất khẩu đã bất ngờ tăng 0,5% và hoạt động nhập khẩu giảm trở lại ở mức 0,6%. Hiện tại thặng dư thương mại đã tăng so với tháng trước, đạt 68,39 tỷ USD.

Chỉ số giá tiêu dùng của Trung Quốc tiếp tục giảm tháng thứ hai liên tiếp, giảm 0,5% - mức giảm lớn nhất kể từ tháng 11/2020, trong đó giá nhóm hàng lương thực đang giảm với tốc độ mạnh nhất.

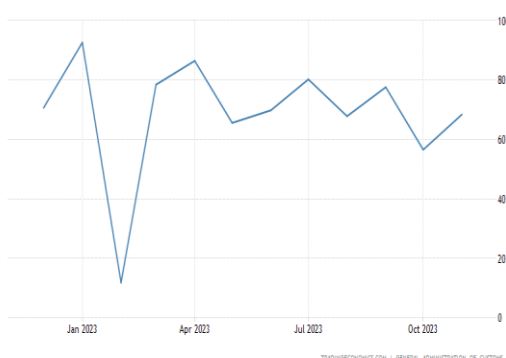
Chỉ số PMI sản xuất



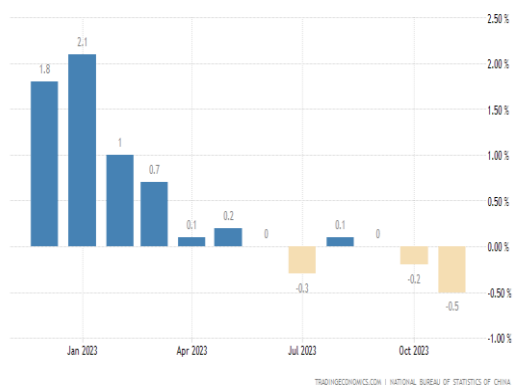
Doanh số bán lẻ hàng hóa (so với tháng trước)



Cán cân thương mại qua các tháng (so với cùng kỳ)



Diễn biến lạm phát (so với cùng kỳ)



Nguồn: Trading economics

Giá mặt hàng năng lượng tiếp tục giảm tháng thứ hai liên tiếp

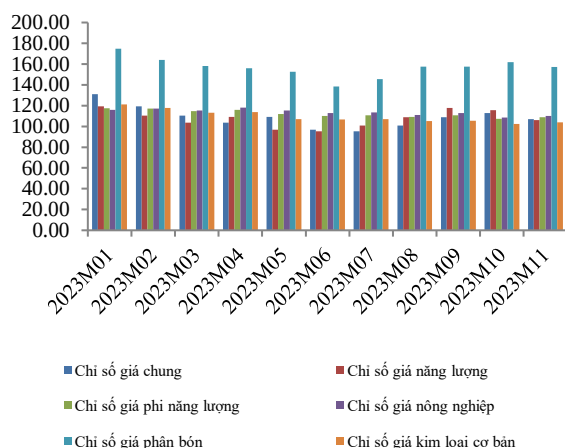
Trong tháng 11/2023, theo thống kê của WB, chỉ số giá cả hàng hóa trên toàn cầu đã ghi nhận diễn biến giảm tháng thứ hai liên tiếp của mặt hàng năng lượng và diễn biến tăng trở lại của nhóm hàng phi năng lượng, cụ thể như sau:

+ Trong nhóm hàng năng lượng, chỉ số giá bình quân tiếp tục giảm 8% so với tháng trước, chủ yếu do giá bình quân của nhóm hàng than đá giảm giao động từ 10% – 15% trên các thị trường giao dịch và giá dầu bình quân giảm 8,7%. Đồng thời, giá khí hóa lỏng đã quay đầu giảm giao động từ 0,03% – 0,9% trên các thị trường giao dịch. Trong tháng 11/2023, nhu cầu suy yếu và sản lượng dầu tồn kho tại Mỹ tăng cũng như các thông tin cắt giảm nguồn cung dầu từ khối OPEC+ chưa rõ ràng đã tác động mạnh đến đà giảm của giá dầu. Theo đó,

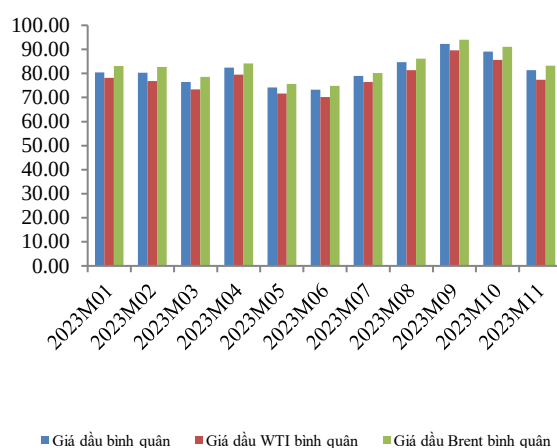
giá dầu Brent và WTI bình quân trên các thị trường đã giảm lần lượt là 8,7% và 9,5%. Kết thúc tháng 11/2023, giá dầu Brent và WTI giao ngay trên thị trường ở mức 80,7 và 75,83 USD/thùng.

+ Trong nhóm hàng phi năng lượng, chỉ số giá cả giao dịch bình quân đã tăng 1,7% so với tháng trước, ghi nhận diễn biến tăng chủ yếu ở nhóm hàng nông nghiệp, trong đó giá của nhóm hàng đồ uống, dầu ăn, giao động tăng từ 5% – 7%. Bên cạnh đó, chỉ số giá giao dịch bình quân của nhóm hàng kim loại sản xuất và khoáng cũng tăng 3%, chủ yếu do đà tăng của giá sắt, nicken và kẽm với mức tăng giao động từ 3,9% - 10%. Đồng thời, giá kim loại quý đã tăng khoảng 4% so với tháng trước, ghi nhận diễn biến tăng đối với cả giá vàng, bạch kim và bạc. Tuy nhiên, giá nhóm hàng phân bón đã quay đầu giảm khoảng 3% so với tháng trước.

Diễn biến chỉ số giá hàng hóa chung



Diễn biến giá dầu bình quân



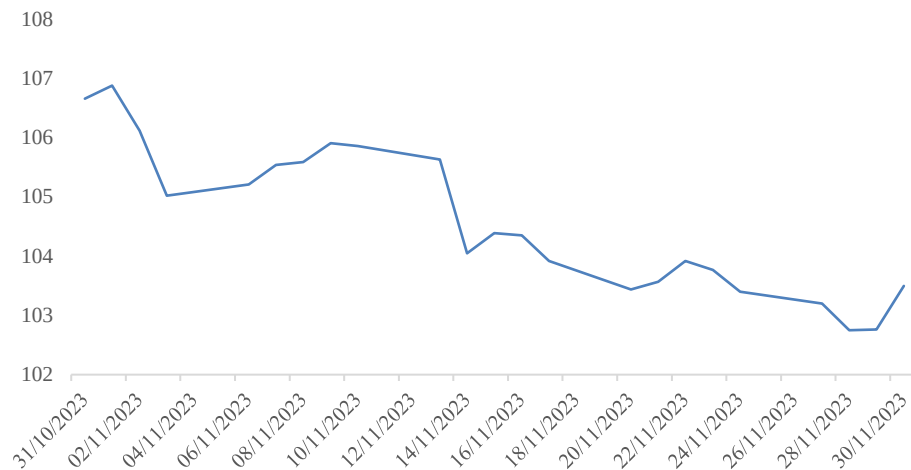
Nguồn: worldbank.org

2. Diễn biến thị trường ngoại hối

Đồng USD đã giảm sau chuỗi tăng 03 tháng liên tiếp

Trong tháng 11/2023, đồng đô la Mỹ đã có diễn biến giảm sau 03 tháng tăng liên tiếp, chỉ số USD index giao ngay đã giảm 2,9% so với tháng trước. Đồng bạc xanh có chuỗi giảm gần như liên tục từ ngày 10 – 28/11, ghi nhận 02 ngày giao dịch có mức giảm từ 1,05% - 1,5% vào ngày 03 và ngày 14/11 khi kỳ vọng của thị trường về việc Fed sẽ giữ nguyên lãi suất, hoàn tất chu kỳ tăng lãi suất tăng cao trước diễn biến có phần hạ nhiệt của kinh tế và xu hướng giảm tích cực của lạm phát. Tuy nhiên trong tháng đồng USD vẫn có chuỗi tăng liên tục từ ngày 06 - 09/11 khi nhu cầu đầu tư tài sản an toàn gia tăng trong bối cảnh căng thẳng địa chính trị kéo dài hay luật ngân sách tạm thời đã được ban hành giúp nước Mỹ tránh được kịch bản Chính phủ phải đóng cửa. Chỉ số USD trong tháng được giao dịch trong khoảng từ 104 – 107, Kết thúc tháng 11/2023, chỉ số USD index giao ngay và kỳ hạn chốt giao dịch ở mức 103,5 và 104,5.

Diễn biến chỉ số USD Index



Nguồn: investing.com

Đồng EUR và đồng GBP tăng mạnh so với đồng USD

Tại khu vực Châu Âu, đồng EUR và đồng GBP đã có diễn biến tốt nhất kể từ đầu năm, tăng mạnh so với USD trên thị trường. Diễn biến tích cực này chủ yếu được hỗ trợ từ xu hướng giảm mạnh của đồng bạc xanh trong tháng 11/2023. Theo đó, đồng EUR tiếp tục tăng tháng thứ hai liên tiếp, tăng 2,93% so với USD, có diễn biến tăng sớm ngay từ đầu tháng, kéo dài đến hết ngày 28/11, ghi nhận 02 ngày tăng mạnh, giao động từ 1% – 1,7% khi đồng đô la lao dốc trên thị trường. Bên cạnh đó, một số tín hiệu kinh tế được cải thiện nhẹ cũng hỗ trợ cho diễn biến của đồng EUR trong tháng.

Trong khi đó, đồng GBP cũng có tháng tăng mạnh nhất kể từ đầu năm, tăng 3,9% với diễn biến gần như ngược chiều với đồng USD trên thị trường, xu hướng tăng kéo dài từ ngày 10 – 29/11, biên độ tăng giao động từ 0,01% - 1,78%/ngày giao dịch. Diễn biến tích cực của đồng GBP trong tháng cũng được hỗ trợ bởi diễn biến cải thiện nhẹ của các doanh nghiệp sau nhiều tháng thu hẹp và các gói hỗ trợ tài khóa của Chính phủ, cụ thể là việc cắt giảm thuế để thúc đẩy nền kinh tế đang gặp khó khăn. Kết thúc tháng 11/2023, cặp tỷ giá GBP/USD chốt giao dịch ở mức 1.2622 và cặp tỷ giá EUR/USD chốt giao dịch ở mức 1.0886.

Bên cạnh đó, đồng AUD và đồng CAD đều tăng mạnh trở lại sau chuỗi giảm kéo dài 03 tháng. Diễn biến tích cực này được hỗ trợ bởi đà giảm của đồng USD trên thị trường. Cụ thể, trong tháng 11/2023, đồng AUD đã tăng 4,25% so với USD – mức tăng mạnh nhất kể từ đầu năm. Đồng AUD đã có chuỗi tăng liên tục từ ngày 23 – 28/11, đồng thời ghi nhận 02 ngày biến động tăng từ 1,21 – 1,97%/ ngày giao dịch khi đồng bạc xanh giảm mạnh trên thị trường. Diễn biến của đồng AUD trong tháng cũng chịu tác động bởi quyết định tăng lãi suất điều hành của NHTW thêm 25 điểm cơ bản, ở mức 4,39% để kiểm soát lạm phát. Bên cạnh đó, đồng CAD cũng tăng 2,25% so với đô la Mỹ - gần như lấy lại mức giảm trong tháng trước. Đồng CAD đã có xu hướng đi lên ngay từ đầu tháng, khẳng định đà tăng kể từ ngày 10/11 cho đến hết tháng. Mặc dù vậy đồng CAD cũng có chuỗi giảm liên tục từ ngày 06 – 09/11 trước

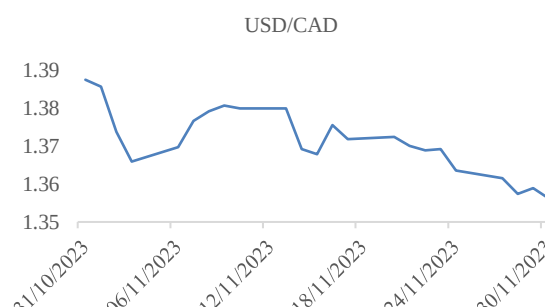
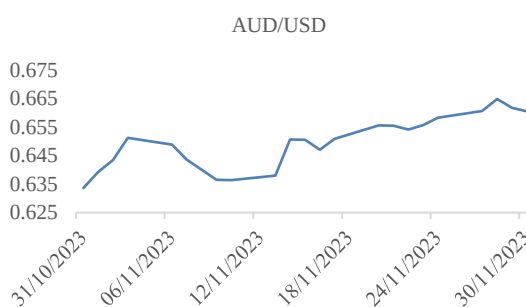
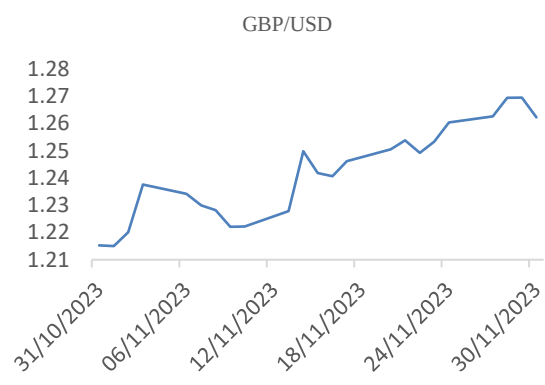
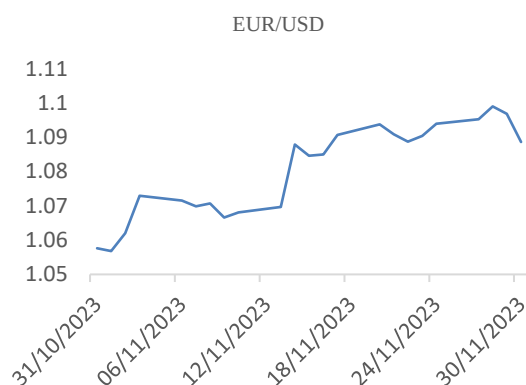
những tín hiệu kinh tế tiếp tục thu hẹp, chi tiêu dùng của cá nhân cũng như hoạt động chi đầu tư của doanh nghiệp còn hạn chế. Kết thúc tháng 11/2023, cặp tỷ giá AUD/USD chốt giao dịch ở mức 0.66 và cặp tỷ giá USD/CAD chốt giao dịch ở mức 1.3562.

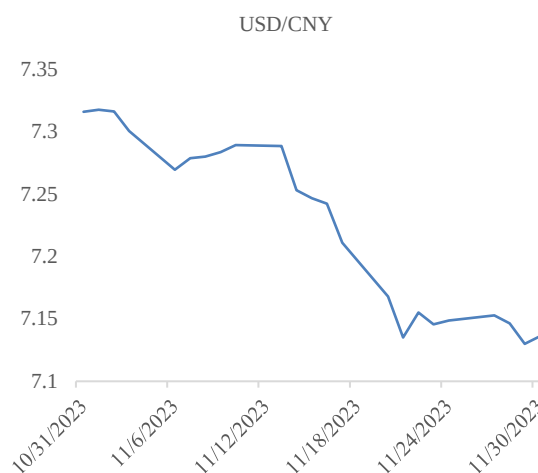
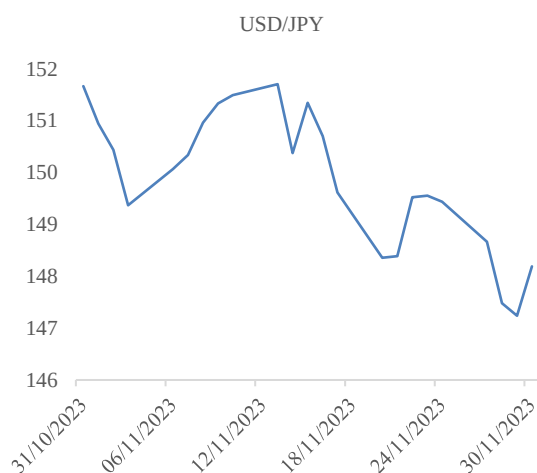
Đồng JPY và đồng CNY đã có tháng tăng mạnh

Trong tháng 11/2023, đồng JPY và đồng CNY cũng đã có diễn biến tích như các đồng tiền mạnh khác khi đồng USD giảm trên thị trường giao dịch, kết thúc chuỗi giảm trong 3 tháng liên tiếp. Theo đó, đồng JPY đã tăng 2,3% so với đồng USD – mức tăng mạnh nhất kể từ đầu năm, ghi nhận 03 chuỗi tăng kéo dài từ 3 – 4 ngày giao dịch, biến động tăng giao động trong khoảng 0,08% - 0,8%. Tuy nhiên, đồng JPY vẫn có chuỗi giảm từ ngày 06 – 13/11 với tổng mức giảm là 1,57% trước khi xác định xu hướng tăng kéo dài trong tuần giao dịch cuối tháng. Diễn biến tích cực của đồng JPY trong tháng cũng được hỗ trợ bởi kỳ vọng BOJ sẽ thay đổi định hướng điều hành CSTT trong thời gian tới khi lạm phát tiếp tục tăng kéo dài.

Bên cạnh đó, đồng CNY cũng đã tăng 2,5% so với đồng USD. Diễn biến tăng đã xuất hiện ngay từ tuần giao dịch đầu của tháng và xác định xu hướng tăng vững chắc từ ngày 13 – 21/11, biến động tăng trong khoảng từ 0,01 – 0,6%/ngày giao dịch. Việc hoạt động thương mại được cải thiện hơn so với tháng trước và kỳ vọng về việc nền kinh tế Trung Quốc sẽ đạt được mục tiêu tăng trưởng đề ra cho năm 2023 đã tạo đà cho sự phục hồi của đồng CNY trong tháng 11/2023. Kết thúc tháng, cặp tỷ giá USD/CNY và cặp tỷ giá USD/JPY chốt giao dịch lần lượt ở mức 7.136 và 148.19.

Diễn biến tỷ giá của các đồng tiền mạnh





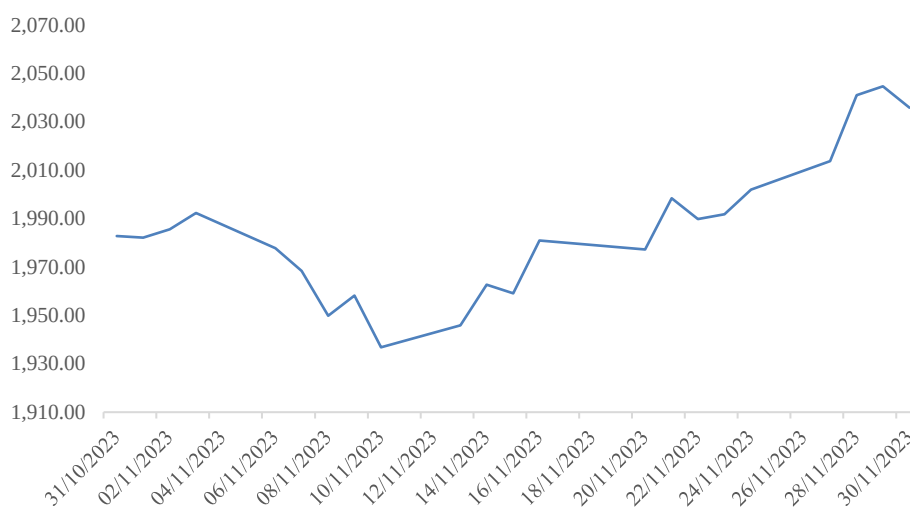
Nguồn: investing.com

Diễn biến thị trường vàng

Giá vàng tiếp tục tăng tháng thứ hai liên tiếp

Tháng 11/2023 tiếp tục chứng kiến diễn biến tăng của giá vàng trong tháng thứ hai liên tiếp mặc dù mức tăng đã thấp hơn đáng kể so với tháng trước. Giá vàng giao ngay và kỳ hạn đã tăng lần lượt là 2,68% và 2,3%. Diễn biến tăng của giá vàng đã xuất hiện ngay từ đầu tháng, mức giá giao dịch cao nhất kể từ đầu năm đã có được trong chuỗi tăng liên tục từ ngày 23 – 29/11. Theo đó, giá vàng đã biến động mạnh trong ngày 23, 24/11, đạt mức giá cao 2.041 USD/ounce vào ngày 23/11. Xu hướng tăng của giá vàng được hỗ trợ mạnh mẽ từ sự suy yếu của đồng USD, lãi suất trái phiếu Mỹ giảm và rủi ro bất ổn kéo dài tại khu vực Trung Đông. Mặc dù vậy, giá vàng vẫn xuất hiện nhiều ngày giao dịch giảm từ ngày 06 – 22/11 khi thị trường đón nhận quyết định giữ nguyên lãi suất điều hành của Fed và các tín hiệu kinh tế không được như kỳ vọng của Trung Quốc. Kết thúc tháng 11/2023, giá vàng giao ngay và kỳ hạn giao dịch vào ngày cuối tháng tại thời điểm khảo sát ở mức 2.035,75 USD/ounce và 2.038,1 USD/ounce.

Diễn biến giá vàng thế giới



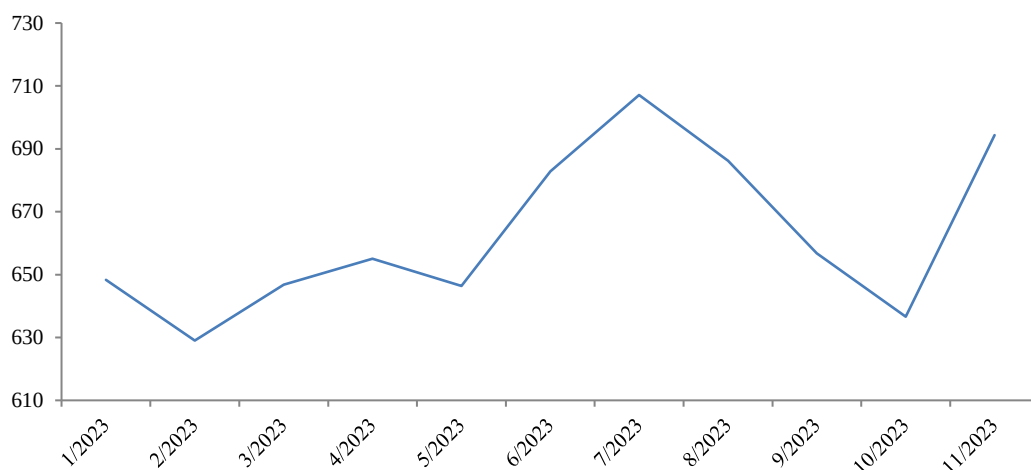
Nguồn: investing.com

Thị trường chứng khoán toàn cầu

Thị trường chứng khoán toàn cầu tăng mạnh trở lại

Thị trường chứng khoán toàn cầu phục hồi mạnh trong tháng 11 sau 3 tháng giảm điểm liên tiếp trước kỳ vọng tích cực của giới đầu tư về cuộc chiến chống lạm phát của NHTW các nước lớn. Đóng cửa phiên giao dịch cuối cùng của tháng 11, chỉ số MSCI ACWI đạt 694,38 điểm, tăng 9,01% so với cuối tháng trước và tăng 14,7% so với đầu năm.

Diễn biến chỉ số MSCI ACWI giai đoạn 1/2023 – 11/2023



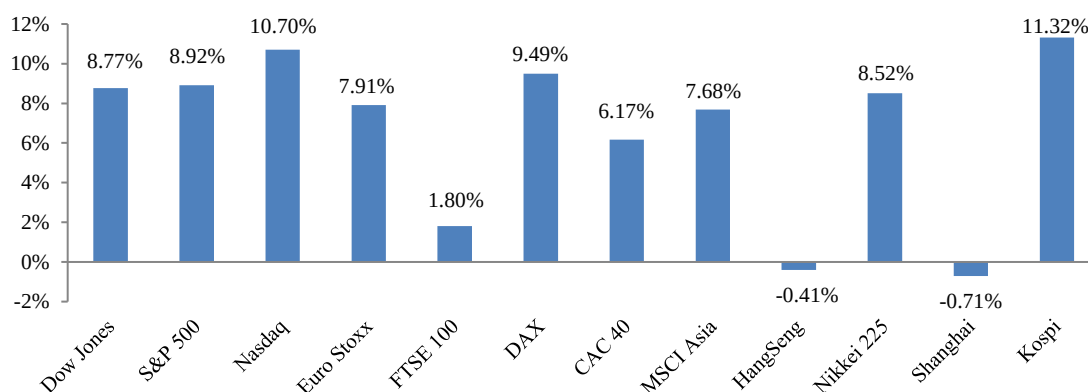
Nguồn: msci.com

Tại Mỹ, các chỉ số chứng khoán chính đều có mức tăng điểm ấn tượng, vượt 8% sau một tháng giao dịch. Kết thúc tháng 11/2023, chỉ số Dow Jones tăng 8,77%, chỉ số S&P 500 cộng thêm 8,92% và chỉ số công nghệ Nasdaq Composite tăng 10,7%. Nhóm cổ phiếu ngành bất động sản, công nghệ và hàng tiêu dùng thiết yếu tăng điểm mạnh.

Thị trường chứng khoán Châu Âu cũng có diễn biến tích cực tương tự, chỉ số Euro Stoxx chốt tháng tăng 7,91% so với cuối tháng trước. Theo đó, các thị trường chứng khoán chủ chốt đều tăng điểm, dẫn đầu là chỉ số DAX của Đức tăng 9,49%, chỉ số CAC 40 của Pháp tăng 6,17% và chỉ số FSTE 100 của Anh tăng nhẹ 1,8%.

Thị trường chứng khoán châu Á cũng tăng điểm, chỉ số MSCI Châu Á – Thái Bình Dương vào cuối tháng đã tăng 7,68% so với tháng trước. Tuy nhiên xu hướng tăng không diễn ra đồng đều trên các thị trường lớn trong khu vực. Cụ thể, kết thúc tháng 11/2023, chỉ số Kospi của Hàn Quốc tăng 11,32%; chỉ số Nikkei 225 của Nhật Bản tăng 8,52% và chỉ số FTSE của Đài Loan tăng 8,76%. Trong khi đó, chỉ số HangSeng của HongKong và chỉ số Shanghai của Trung Quốc tiếp tục có tháng giảm điểm thứ tư liên tiếp với mức giảm lần lượt là 0,41% và 0,71%.

Mức độ biến động của các chỉ số chứng khoán chủ chốt trong tháng 11 năm 2023



Nguồn: Bloomberg

KINH TẾ TRONG NƯỚC

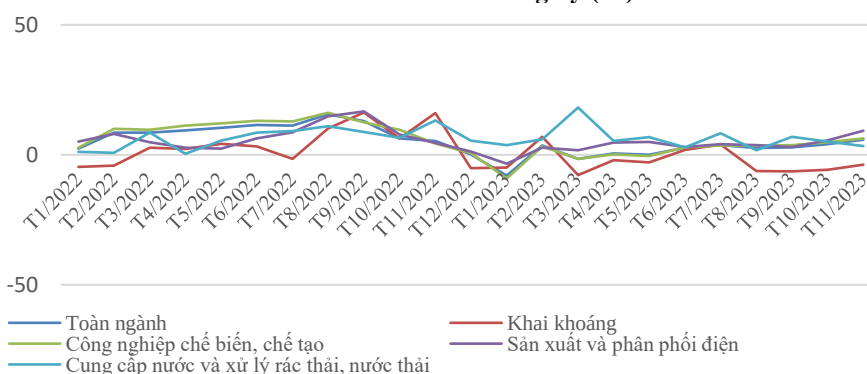
1. Tăng trưởng kinh tế

Sản xuất công nghiệp tiếp tục tăng tốc

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp - IIP tháng 11/2023 ước tăng 3% so với tháng trước và tăng 5,8% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, ngành chế biến, chế tạo tăng 6,3% so với cùng kỳ năm trước; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 9,2%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 3,3% và ngành khai khoáng tiếp tục giảm 3,8%. Trong đó, chỉ số IIP tại một số tỉnh thành có quy mô công nghiệp lớn tăng giao động từ 1 – 9,9%, tăng mạnh nhất là tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu trong khi đó tại Bắc Ninh chỉ số này đã giảm 7,5% so với tháng trước.

Tính chung 11 tháng, IIP ước tính tăng 1% so với cùng kỳ năm trước – thấp hơn nhiều so với mức tăng 8,4% của cùng kỳ năm 2022. Trong đó, các ngành kinh tế đều tăng thấp hơn so với năm trước, cụ thể ngành chế biến, chế tạo tăng 1,1% - cùng kỳ năm 2022 tăng 8,7%, đóng góp 1,1 điểm phần trăm vào mức tăng chung; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 3,2%, đóng góp 0,2 điểm phần trăm; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 4,9%, đóng góp 0,1 điểm phần trăm; ngành khai khoáng giảm 2,8%, làm giảm 0,4 điểm phần trăm trong mức tăng chung.

Diễn biến IIP so với cùng kỳ (%)



Nguồn: TCTK

Trong các ngành công nghiệp cấp II, một số ngành trọng điểm có chỉ số sản xuất 11 tháng tăng cao so với cùng kỳ năm trước như sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 11,8%; khai thác quặng kim loại tăng 11,1%; sản xuất sản phẩm thuốc lá tăng 10,5%; sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất tăng 8,6%; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị) tăng 8,4%; sản xuất giường, tủ, bàn, ghế tăng 7,1%; sản xuất chế biến thực phẩm tăng 6,2%; dệt tăng 5,9%. Trong khi đó, chỉ số IIP của một số ngành đã giảm, cụ thể sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học giảm 1,3%; chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế) giảm 2,1%; sản xuất xe có động cơ giảm 3,6%; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác giảm 3,9%; khai thác dầu thô và khí đốt tự nhiên giảm 4,2%; sản xuất phương tiện vận tải khác giảm 9%.

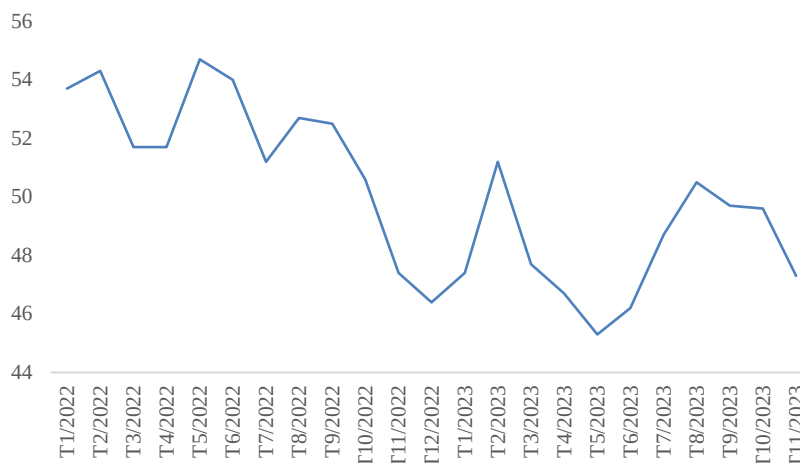
Số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp tại thời điểm 01/11/2023 tăng 0,9% so với cùng thời điểm tháng trước và giảm 0,2% so với cùng thời điểm năm trước, trong đó, lao động khu vực doanh nghiệp Nhà nước tăng 0,1% và giảm 1,4%; doanh nghiệp ngoài Nhà nước tăng 0,6% và giảm 1,7%; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tăng 1,1% và tăng 0,6%.

Các điều kiện kinh doanh của ngành sản xuất tiếp tục giảm mạnh

Các điều kiện kinh doanh của khu vực sản xuất tiếp tục thu hẹp trong 03 tháng liên tiếp, chỉ số PMI ngành sản xuất trong tháng 11/2023 đã giảm hơn 2 điểm so với tháng trước, đạt 47,3 điểm – mức thấp nhất kể từ đầu năm. Trong đó, nhiều chỉ số thành phần có xu hướng đáng chú ý, cụ thể:

- + Số lượng đơn đặt hàng mới đã giảm sau chuỗi tăng kéo dài 03 tháng với tốc độ giảm mạnh nhất kể từ tháng 5/2023. Đồng thời, số lượng đơn hàng xuất khẩu mới cũng chấm dứt chuỗi tăng kéo dài 04 tháng;
- + Sản lượng hàng hóa cũng giảm tháng thứ ba liên tiếp với tốc độ khá mạnh trong bối cảnh nhu cầu vẫn yếu và các điều kiện kinh tế còn khó khăn;
- + Lượng công việc tồn đọng tiếp tục giảm khiến các nhà sản xuất giảm hoạt động mua hàng và việc làm;
- + Tồn kho hàng mua và thành phẩm đều đã giảm liên tục trong 03 tháng, đặc biệt là mức giảm mạnh của tồn kho hàng hóa trước sản xuất;
- + Chi phí đầu vào tiếp tục gia tăng đã buộc các nhà bán hàng phải tăng giá bán liên tục trong 04 tháng;
- + Niềm tin kinh doanh đã giảm tháng thứ hai liên tiếp, ở mức thấp hơn trung bình của lịch sử chỉ số. Các doanh nghiệp tham gia khảo sát đều bày tỏ lo ngại về mức độ dễ bị tổn thương của các điều kiện kinh tế và tình trạng nhu cầu trong và ngoài nước còn yếu.

Diễn biến chỉ số PMI



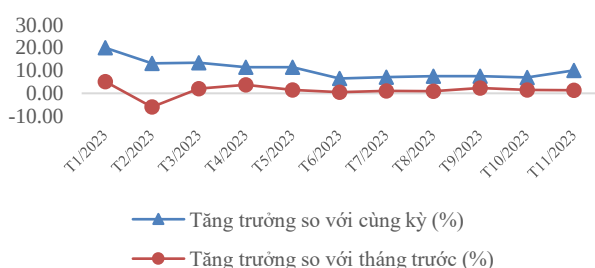
Nguồn: Nikkei

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng so với cùng kỳ

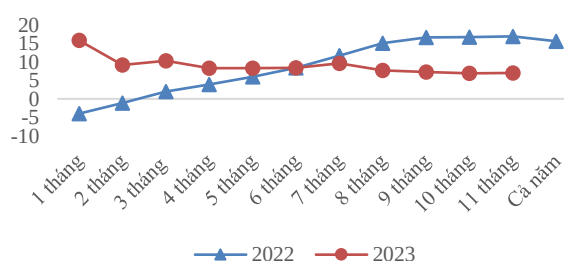
Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trong tháng 11/2023 ước đạt 552,7 nghìn tỷ đồng, tăng 1,4% so với tháng trước và tăng 10,1% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: doanh thu bán lẻ hàng hóa đạt 425 nghìn tỷ đồng, tăng 9,1% so với cùng kỳ năm trước; doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống đạt 60,5 nghìn tỷ đồng, tăng 18,3%; doanh thu du lịch lữ hành đạt 3,7 nghìn tỷ đồng, tăng 70,9% và cuối cùng là doanh thu dịch vụ khác đạt 63,5 nghìn tỷ đồng, tăng 7,3%.

Tính chung 11 tháng, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 5.667 nghìn tỷ đồng, tăng 9,6% so với cùng kỳ năm trước – thấp hơn so với mức tăng 20,2% của cùng kỳ năm 2022. Nếu loại trừ yếu tố giá, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 7%¹. Cụ thể, doanh thu bán lẻ hàng hóa ước tính đạt ước đạt 4.420 nghìn tỷ đồng, chiếm 78% tổng mức và tăng 8,6% so với cùng kỳ năm trước, loại trừ yếu tố giá tăng 6,8%. Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống ước đạt 616 nghìn tỷ đồng, chiếm 10,9% tổng mức và tăng 15,3%; doanh thu du lịch lữ hành ước tính đạt ước đạt 34 nghìn tỷ đồng, chiếm 0,6% tổng mức và tăng 50,5%. Cuối cùng, doanh thu dịch vụ khác ước tính đạt 597 nghìn tỷ đồng, chiếm 10,5% tổng mức và tăng 10,6%.

Tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu DV TD so với tháng trước và cùng kỳ (%)



Tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đã loại trừ yếu tố giá (so với cùng kỳ)



Nguồn: TCTK

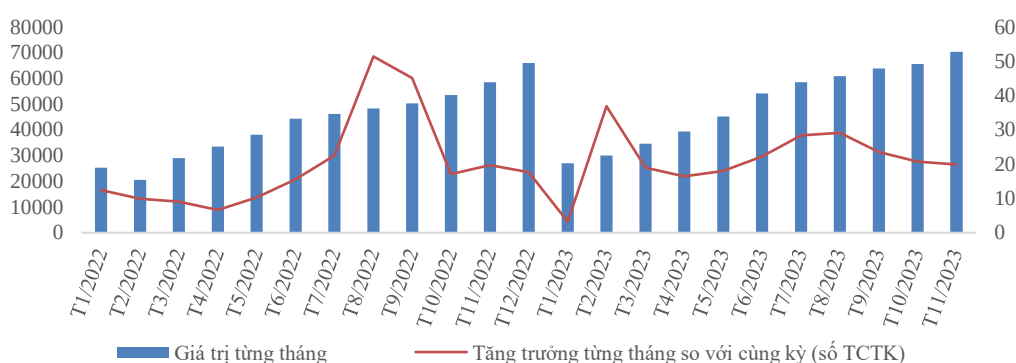
¹ Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng 11 tháng năm 2022 loại trừ yếu tố giá tăng 16,6%

Giải ngân vốn đầu tư công tiếp tục tăng

Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước tháng 11/2023 ước tính đạt 70,3 nghìn tỷ đồng, tăng 19,9% so với cùng kỳ năm trước, trong đó vốn Trung ương quản lý đạt 12,2 nghìn tỷ đồng, tăng 20,3%; vốn địa phương quản lý đạt 58,1 nghìn tỷ đồng, tăng 19,8%.

Tính chung 11 tháng, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước ước đạt hơn 549,1 nghìn tỷ đồng, bằng 75% kế hoạch năm và tăng 22,1% so với cùng kỳ năm trước². Trong đó, vốn đầu tư thực hiện do Trung ương quản lý ước đạt 99,4 nghìn tỷ đồng, bằng 74,6% kế hoạch năm và tăng 25,1% so với cùng kỳ năm trước; vốn đầu tư thực hiện do địa phương quản lý ước đạt 449,7 nghìn tỷ đồng, bằng 75,1% kế hoạch năm và tăng 21,5% so với cùng kỳ năm trước.

Diễn biến vốn đầu tư từ NSNN



Nguồn: TCTK

Tổng vốn đầu tư nước ngoài tiếp tục tăng

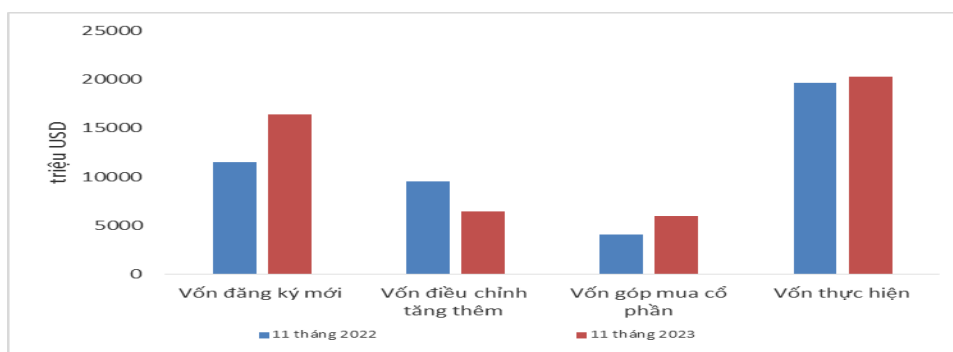
Tổng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam tính đến ngày 20/11/2023 bao gồm vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt gần 28,85 tỷ USD, tăng 14,8% so với cùng kỳ năm trước.

Trong đó, vốn đăng ký cấp mới đã có 2.865 dự án được cấp phép mới với số vốn đăng ký đạt 16,41 tỷ USD, tăng 58,1% về số dự án và tăng 42,4% về số vốn đăng ký so với cùng kỳ năm trước. Vốn đăng ký điều chỉnh có 1.152 lượt dự án đã cấp phép từ các năm trước đăng ký điều chỉnh vốn đầu tư với số vốn tăng thêm 6,47 tỷ USD, giảm 32,1% so với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó, vốn đăng ký góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài có 3.166 lượt với tổng giá trị góp vốn 5,97 tỷ USD, tăng 46,4% so cùng kỳ năm trước.

Trong số 70 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư được cấp phép mới tại Việt Nam trong 11 tháng vừa qua, Singapore là nhà đầu tư lớn nhất với 3,31 tỷ USD, chiếm 20,2% tổng vốn đăng ký mới; tiếp đến là Hồng Kông với 3,15 tỷ USD, chiếm 19,2%; Trung Quốc với 3,06 tỷ USD, chiếm 18,7%; Đài Loan là 2,05 tỷ USD, chiếm 12,5%; Hàn Quốc là 1,7 tỷ USD, chiếm 10,4%; Nhật Bản là 757,8 triệu USD, chiếm 4,6%.

² Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước 11 tháng năm 2022 bằng 74,9% và tăng 20,9%

Vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam 11 tháng 2022 và 11 tháng 2023



Nguồn: TCTK

Vốn FDI thực hiện tiếp tục tăng

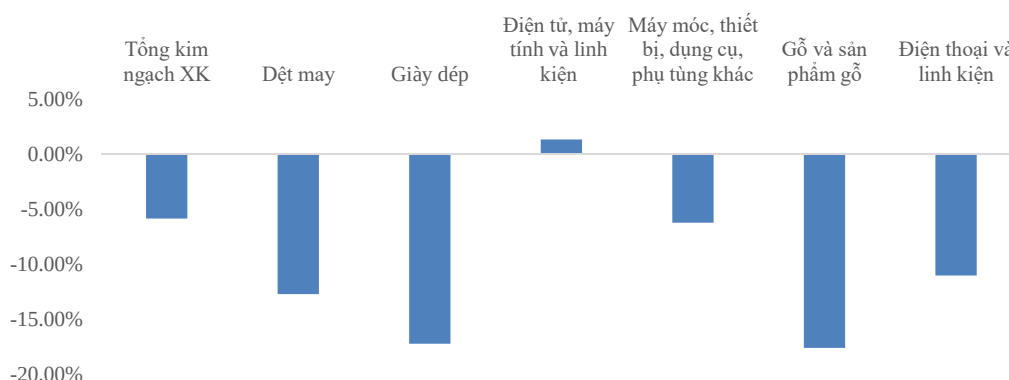
Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện trong 11 tháng ước tính đạt 20,25 tỷ USD, tăng 2,9% so với cùng kỳ năm trước, trong đó công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 16,67 tỷ USD, chiếm 82,3% tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện; sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí đạt 1,21 tỷ USD, chiếm 6%; hoạt động kinh doanh bất động sản đạt 982,6 triệu USD, chiếm 4,9%.

Kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa có diễn biến trái chiều so với tháng trước

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng 11/2023 ước đạt 31,08 tỷ USD, giảm 3,6% so với tháng trước. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 8,49 tỷ USD, giảm 2,4%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 22,59 tỷ USD, giảm 4,1%. So với cùng kỳ năm trước, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng 11/2023 tăng 6,7%, trong đó khu vực kinh tế trong nước tăng 13,5%, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) tăng 4,4%.

Tính chung 11 tháng năm 2023, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước đạt 322,5 tỷ USD, giảm 5,9% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 85,94 tỷ USD, giảm 2,2%, chiếm 26,6% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 236,56 tỷ USD, giảm 7,1%, chiếm 73,4%. Trong kim ngạch xuất khẩu, có 33 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, chiếm 93,1% tổng kim ngạch xuất khẩu (có 07 mặt hàng xuất khẩu trên 10 tỷ USD, chiếm 66%). Đồng thời, trong 11 tháng ghi nhận mức sụt giảm của nhiều nhóm hàng xuất khẩu có giá trị lớn với mức giảm giao động từ 6,2% - 17,6% so với cùng kỳ.

Diễn biến kim ngạch xuất khẩu so với cùng kỳ của một số mặt hàng

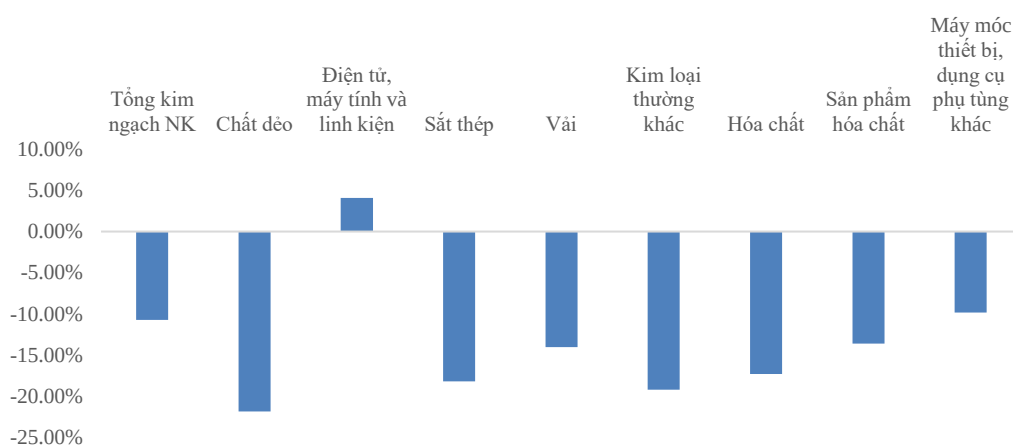


Nguồn: TCTK

Bên cạnh đó, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng 11/2023 ước đạt ước đạt 29,8 tỷ USD, tăng 1% so với tháng trước. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 10,6 tỷ USD, giảm 0,4%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 19,2 tỷ USD, tăng 1,7%. So với cùng kỳ năm trước, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng 11/2023 tăng 5,1%, trong đó khu vực kinh tế trong nước tăng 4,2%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 5,6%.

Tính chung 11 tháng, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước đạt 296,67 tỷ USD, giảm 10,7% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 105,94 tỷ USD, giảm 8,8%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 190,73 tỷ USD, giảm 11,7%. Trong kim ngạch nhập khẩu, có 43 mặt hàng nhập khẩu đạt trị giá trên 1 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 92,2% tổng kim ngạch nhập khẩu (có 03 mặt hàng nhập khẩu trên 10 tỷ USD, chiếm 43,3%).

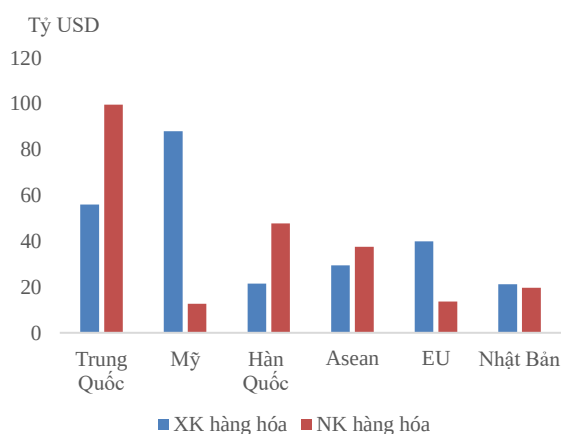
Diễn biến kim ngạch nhập khẩu so với cùng kỳ của một số mặt hàng



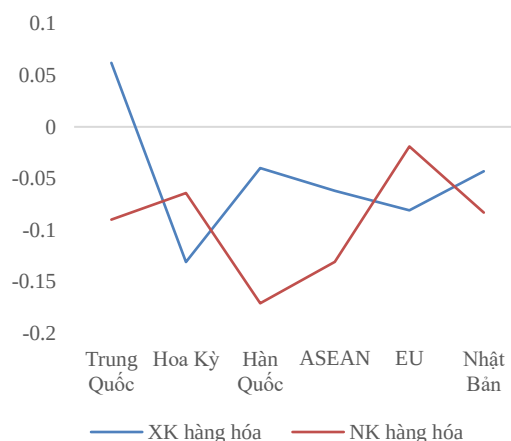
Nguồn: TCTK

Về thị trường xuất, nhập khẩu hàng hóa trong 11 tháng, Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch ước đạt 88 tỷ USD. Trong khi đó, Trung Quốc là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch ước đạt 99,6 tỷ USD.

Kim ngạch XNK hàng hóa sang thị trường các nước, khối nước trong 11 tháng 2023



Tốc độ tăng trưởng XNK hàng hóa so với cùng kỳ năm trước trong 11 tháng 2023

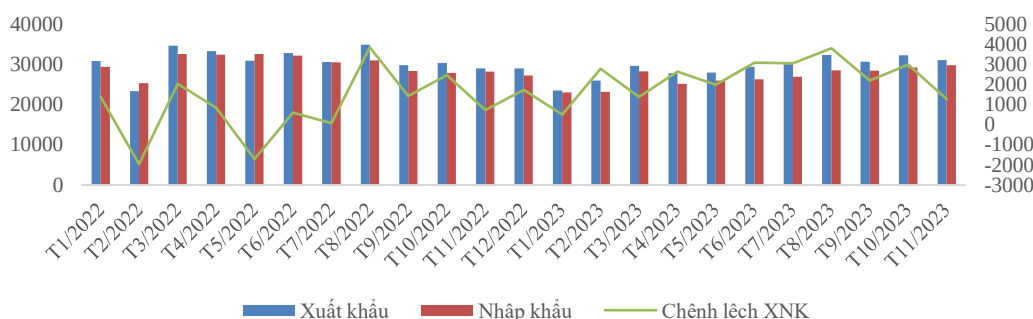


Nguồn: TCTK

Cán cân
thương
mại tiếp
tục thặng
dư

Tính chung 11 tháng, cán cân thương mại hàng hóa ước tính xuất siêu 25,83 tỷ USD (cùng kỳ năm trước xuất siêu 10,3 tỷ USD). Trong đó, khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 19,99 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 45,82 tỷ USD.

Diễn biến XK, NK và cán cân thương mại theo tháng (2022 – 2023)



Nguồn: TCTK

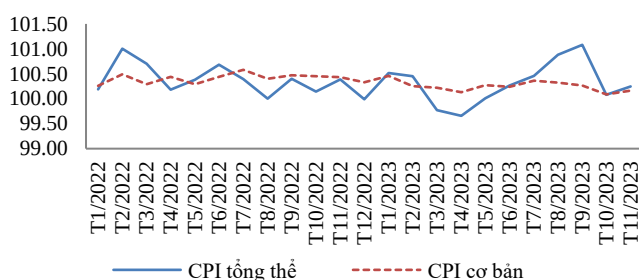
2. Lạm phát

Chỉ số giá
tiêu dùng
tiếp tục
tăng

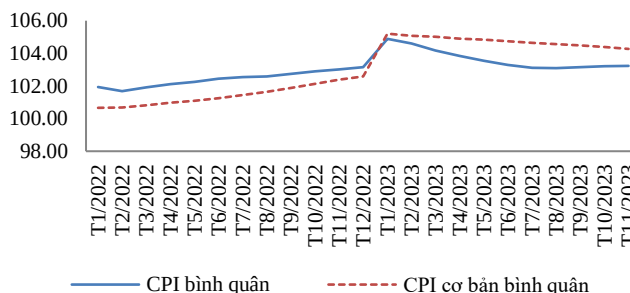
Chỉ số giá tiêu dùng tháng 11/2023 tăng 0,25 % so với tháng trước, tăng 3,59% so với cùng kỳ năm trước, CPI bình quân 11 tháng tăng 3,22% so với bình quân cùng kỳ năm trước. Diễn biến tăng của CPI trong tháng 11/2023 chủ yếu là do giá gạo trong nước tăng theo giá thế giới, giá nhóm hàng dịch vụ giáo dục tăng (điều chỉnh tăng giá học phí), giá dịch vụ y tế tăng.

Bên cạnh đó, lạm phát cơ bản tháng 11/2023 tăng 0,16% so với tháng trước, tăng 3,15% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân 11 tháng, lạm phát cơ bản tăng 4,27% so với cùng kỳ năm 2022.

CPI so với tháng trước (%)



CPI bình quân so với cùng kỳ (%)



Nguồn: TCTK

Trong tháng 11/2023, có 08 nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá tăng so với tháng trước và 02 nhóm hàng có chỉ số giá giảm, cụ thể như sau:

- Nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng cao nhất ở mức 2,9%, làm CPI chung tăng 0,16 điểm phần trăm, trong đó dịch vụ khám chữa bệnh ngoại trú tăng 2,27%; khám chữa bệnh nội trú tăng 5,13%³.

³ Một số địa phương triển khai áp dụng giá dịch vụ y tế mới theo Thông tư số 22/2023/TT-BYT ngày 17/11/2023 của Bộ Y tế

- Nhóm giáo dục tăng 0,38%, trong đó giá dịch vụ giáo dục tăng 0,42%⁴. Bên cạnh đó, giá vở, giấy viết các loại tăng 0,04% so với tháng trước; giá bút viết tăng 0,1%; giá văn phòng phẩm và đồ dùng học tập khác tăng 0,17%.
- Nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 0,32%, tập trung chủ yếu ở mặt hàng đồ trang sức tăng 2,39%; dụng cụ cá nhân không dùng điện tăng 0,24%; dịch vụ cắt tóc, gội đầu tăng 0,51%; dịch vụ về hỉ tăng 0,36% do nhu cầu tăng.
- Nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tăng 0,2%, trong đó, giá vải các loại và mũ nón cùng tăng 0,15%; giày dép tăng 0,06%; quần áo may sẵn tăng 0,27%; dịch vụ may mặc tăng 0,21%; dịch vụ giày, dép tăng 0,25%.
- Nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 0,19%, cụ thể: giá rượu bia tăng 0,16%; nước quả ép tăng 0,17%; nước giải khát có ga tăng 0,31% và thuốc hút tăng 0,19%.
- Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,1%, trong đó: lương thực tăng 2,31%⁵; thực phẩm giảm 0,32%⁶; ăn uống ngoài gia đình tăng 0,2%⁷.
- Nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tăng 0,09%, chủ yếu tăng giá ở các mặt hàng: Cây, hoa cảnh tăng 1,24%; vật cảnh tăng 0,2%; dịch vụ liên quan đến vật nuôi tăng 0,3%; phí truyền hình và internet tăng 0,19%; thiết bị thể dục thể thao tăng 0,17% do chi phí đầu vào tăng và nhu cầu tăng.
- Nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 0,05% do giá gas tăng 0,89%; giá nhà ở thuê và giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở cùng tăng 0,08%; giá dịch vụ sửa chữa nhà ở tăng 0,36%. Tuy nhiên, giá điện sinh hoạt và giá nước sinh hoạt lần lượt giảm 1,45% và 0,13%; giá dầu hỏa giảm 5,53%⁸.

Trong khi đó, CPI nhóm bưu chính viễn thông tiếp tục giảm 0,11% và nhóm giao thông giảm 0,01%, chủ yếu do: Giá xăng giảm 1,4%; giá dầu diezen giảm 7,14%.

Một số VBPL chính sách quan trọng về điều tiết giá cả được ban hành trong tháng 11 /2023

Công văn số 7660/BCT-TTTN ngày 01/11/2023 của Bộ Công Thương về việc điều hành kinh doanh xăng dầu

Điều chỉnh giá xăng dầu: Xăng E5 RON 92: tăng 249 đồng/lít; Xăng RON 95-III: tăng 416 đồng/lít; Dầu diesel 0.05S: giảm 549 đồng/lít; Dầu hỏa: giảm 448 đồng/lít; Dầu mazut 180CST 3.5S: giảm 373 đồng/kg.

⁴ Một số địa phương thực hiện tăng học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông trên địa bàn theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và một số trường đại học, cao đẳng công lập, dân lập, tư thục cũng tăng học phí năm học 2023-2024 để bảo đảm thu chi thường xuyên. Một số địa phương có chỉ số giá dịch vụ giáo dục tháng 11/2023 tăng cao so với tháng trước: Long An tăng 29,11%; Vĩnh Phúc tăng 11,21%.

⁵ Chỉ số nhóm gạo tăng 3,16% (gạo tẻ thường tăng 3,45%; gạo tẻ ngon tăng 2,45% và gạo nếp tăng 1,32%). Giá gạo trong nước tăng theo giá gạo xuất khẩu do nhu cầu nhập khẩu tăng mạnh tại nhiều quốc gia trong khi nguồn cung gạo toàn cầu giảm do ảnh hưởng ngày càng sâu rộng của biến đổi khí hậu.

⁶ Giá thịt lợn giảm 1,57%, làm CPI chung giảm 0,05 điểm phần trăm.

⁷ Chỉ số giá ăn ngoài gia đình tăng 0,21% so với tháng trước; giá đồ uống ngoài gia đình tăng 0,27% và đồ ăn nhanh mang đi tăng 0,08%.

⁸ Điều chỉnh giá ngày 01/11/2023, 13/11/2023 và 23/11/2023.

Công văn số 8035/BCT-TTTN ngày 13/11/2023 của Bộ Công Thương về việc điều hành kinh doanh xăng dầu

Điều chỉnh giá xăng dầu: Xăng E5 RON 92: giảm 340 đồng/lít; Xăng RON 95-III: giảm 399 đồng/lít; Dầu diesel 0.05S: giảm 1.052 đồng/lít; Dầu hỏa: giảm 793 đồng/lít; Dầu mazut 180CST 3.5S: giảm 617 đồng/kg.

Công văn số 8292/BCT-TTTN ngày 23/11/2023 của Bộ Công Thương về việc điều hành kinh doanh xăng dầu

Điều chỉnh giá xăng dầu: Xăng E5 RON 92: giảm 584 đồng/lít; Xăng RON 95-III: giảm 506 đồng/lít; Dầu diesel 0.05S: giảm 605 đồng/lít; Dầu hỏa: giảm 568 đồng/lít; Dầu mazut 180CST 3.5S: tăng 15 đồng/kg.

Công văn số 8508/BCT-TTTN ngày 30/11/2023 của Bộ Công Thương về việc điều hành kinh doanh xăng dầu

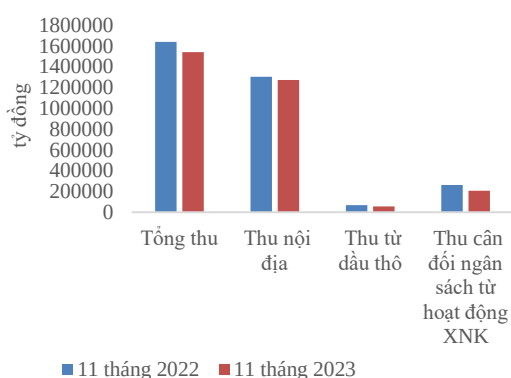
Điều chỉnh giá xăng dầu: Xăng E5 RON 92: tăng 109 đồng/lít; Xăng RON 95-III: giảm 34 đồng/lít; Dầu diesel 0.05S: giảm 87 đồng/lít; Dầu hỏa: tăng 172 đồng/lít; Dầu mazut 180CST 3.5S: tăng 91 đồng/kg.

3. Thu chi ngân sách Nhà nước

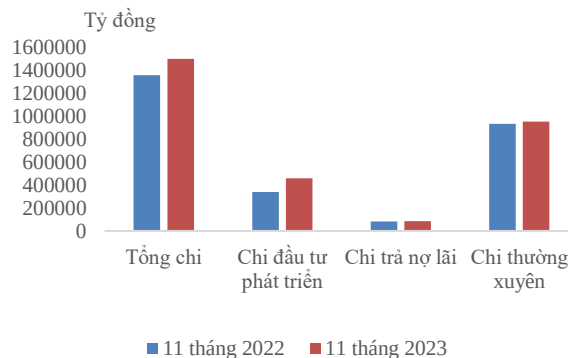
Tổng thu ngân sách Nhà nước tháng 11/2023 ước đạt 126,9 nghìn tỷ đồng. Tính chung 11 tháng, tổng thu ngân sách Nhà nước ước đạt 1.537,6 nghìn tỷ đồng, bằng 94,9% dự toán năm và giảm 7,1% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, thu nội địa đạt 1.272,7 nghìn tỷ đồng, bằng 95,4% dự toán năm và giảm 3% so với cùng kỳ năm trước; thu từ dầu thô đạt 57,1 nghìn tỷ đồng, bằng 135,9% và giảm 19,3%; thu cân đối ngân sách từ hoạt động xuất, nhập khẩu đạt 206,8 nghìn tỷ đồng, bằng 86,5% và giảm 22,4%.

Trong khi đó, tổng chi ngân sách Nhà nước tháng 11/2023 ước đạt 158,2 nghìn tỷ đồng. Tính chung 11 tháng ước đạt 1.502,9 nghìn tỷ đồng, bằng 72,4% dự toán năm và tăng 10,9% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, chi thường xuyên đạt 953 nghìn tỷ đồng, bằng 81,3% dự toán năm và tăng 2,5% so với cùng kỳ năm trước; chi đầu tư phát triển đạt 461 nghìn tỷ đồng, bằng 63,4% và tăng 36,3%; chi trả nợ lãi 86,4 nghìn tỷ đồng, bằng 84% và tăng 3,4%.

Thu NSNN 11 tháng 2022 và 11 tháng 2023



Chi NSNN 11 tháng 2022 và 11 tháng 2023

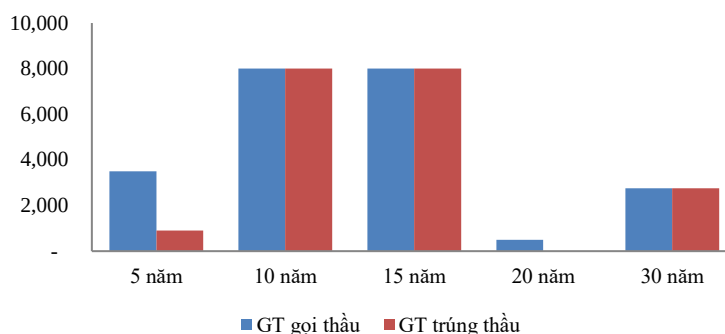


Nguồn: TCTK

Tháng 11/2023, Kho bạc Nhà nước (KBNN) huy động thành công 19.650 tỷ đồng trái phiếu Chính phủ, tổng cộng đạt khoảng 71% kế hoạch năm. Trong

đó, giá trị trái phiếu trúng thầu kỳ hạn 10 năm, 15 năm và 30 năm đúng bằng giá trị gọi thầu. Bên cạnh đó, tại phiên giao dịch cuối tháng lãi suất trúng thầu trái phiếu KBNN kỳ hạn 5 năm, 10 năm và 15 năm đã giảm so với đầu tháng, đạt lần lượt là 1,6%; 2,28% và 2,48%. Lãi suất trái phiếu kỳ hạn 30 năm vẫn duy trì ổn định so với tháng trước ở mức 3,05%.

Giá trị trúng thầu và gọi thầu qua các kỳ hạn trong tháng 11 năm 2023



Nguồn: hnx.vn

Một số VBPL chính sách quan trọng về quản lý ngân sách, vốn được ban hành trong tháng 11/2023

Nghị quyết 104/2023/QH15 ngày 10/11/2023 về dự toán ngân sách Nhà nước năm 2024

Theo đó, thông qua dự toán ngân sách Nhà nước năm 2024:

- Số thu ngân sách Nhà nước là 1.700.988 tỷ đồng.
- Thu chuyển nguồn cải cách tiền lương của ngân sách địa phương đến hết năm 2023 còn dư chuyển sang bố trí dự toán năm 2024 của một số địa phương là 19.040 tỷ đồng để thực hiện mức lương cơ sở 1,8 triệu đồng/tháng.
- Tổng số chi ngân sách Nhà nước là 2.119.428 tỷ đồng.
- Tổng mức vay của ngân sách Nhà nước là 690.553 tỷ đồng.

Cho phép sử dụng 145,9 tỷ đồng nguồn thu hồi kinh phí đã tạm cấp trong năm 2022 cho một số địa phương thực hiện chính sách hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động còn dư, chuyển nguồn để bổ sung cho các địa phương còn thiếu nguồn thực hiện chính sách và quyết toán niên độ ngân sách năm 2023.

Từ ngày 01/7/2024, bãi bỏ tất cả các cơ chế quản lý tài chính, thu nhập đặc thù của các cơ quan, đơn vị hành chính Nhà nước; áp dụng chế độ tiền lương, phụ cấp, thu nhập thống nhất. Không tiếp tục áp dụng cơ chế đặc thù hiện hành đối với phần kinh phí thường xuyên theo cơ chế quản lý tài chính đặc thù (chi hoạt động, tăng cường năng lực, hiện đại hóa, đảm bảo hoạt động chuyên môn,...) của các cơ quan, đơn vị hành chính Nhà nước.

Nghị quyết 105/2023/QH15 ngày 10/11/2023 về phân bổ ngân sách trung ương năm 2024

Theo đó, Tổng số thu và chi ngân sách trung ương năm 2024 như sau:

- Tổng số thu ngân sách trung ương là 852.682 tỷ đồng;
- Tổng số thu ngân sách địa phương là 848.305 tỷ đồng. Thu chuyển nguồn cải cách tiền lương của ngân sách địa phương đến hết năm 2023 còn dư chuyển sang bố trí dự toán năm 2024 của một số địa phương là 19.040 tỷ đồng để thực hiện mức lương cơ sở 1,8 triệu đồng/tháng.

- Tổng số chi ngân sách trung ương là 1.225.582 tỷ đồng, trong đó dự toán 426.266 tỷ đồng để bổ sung cân đối ngân sách (đã bao gồm khoản bổ sung cân đối tăng 2% so với dự toán ngân sách nhà nước năm 2023), bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương (đã bao gồm khoản bổ sung có mục tiêu cho một số địa phương để đảm bảo mặt bằng dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2024 không thấp hơn dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2023).

Nghị quyết 184/NQ-CP ngày 04/11/2023 về việc giao kế hoạch vốn Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương

Theo đó, Chính phủ thống nhất báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quốc hội các nội dung như đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 8829/TTr-BKHĐT.

Bên cạnh đó, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan liên quan về các thông tin, số liệu báo cáo và đề xuất.

Chính phủ giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các Bộ, cơ quan, địa phương liên quan căn cứ quy định của Luật Đầu tư công, Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14, đồng thời nghiên cứu, tiếp thu, giải trình ý kiến của các Thành viên Chính phủ để rà soát, xem xét đề xuất danh mục sử dụng vốn đã đưa vào dự phòng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 theo quy định tại Nghị quyết số 93/2023/QH15.

Quyết định 2453/QĐ-BTC ngày 13/11/2023 về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2023

Theo đó, điều chỉnh dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2023 đối với Tổng cục Dự trữ Nhà nước như sau:

- Kinh phí thực hiện tự chủ (Các khoản chi ngoài định mức (chi đảm bảo hoạt động thường xuyên của đơn vị sự nghiệp)) là 1.565.000.000 đồng;
- Kinh phí không thực hiện tự chủ (Chi khác) là -1.565.000.000 đồng.

Điều chỉnh dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2023 đối với Trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh bao gồm:

- Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ là 12.294.000.000 đồng;
- Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ là -12.294.000.000 đồng.

Quyết định 2455/QĐ-BTC ngày 13/11/2023 về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2023

Theo đó, điều chỉnh dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2023 đối với Tổng cục Hải quan như sau:

- Giảm 8.321.761,521 triệu đồng từ các khoản chi ngoài định mức vào Quỹ lương;
- Chi mua sắm tài sản giảm 5.622.030,678 triệu đồng;
- Chi sửa chữa tài sản giảm 16.173,000 triệu đồng;
- Chi khác tăng 5.638.203,678 triệu đồng;...

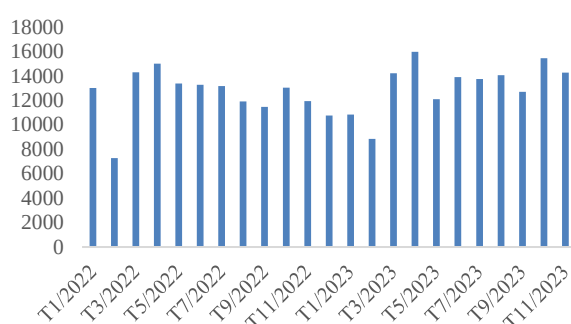
4. Tình hình doanh nghiệp

Trong tháng 11/2023, cả nước có 14.267 doanh nghiệp thành lập mới với số vốn đăng ký là 153,6 nghìn tỷ đồng, giảm 7,6% về số doanh nghiệp, tăng 22% về vốn đăng ký so với tháng trước. So với cùng kỳ năm trước, số doanh nghiệp

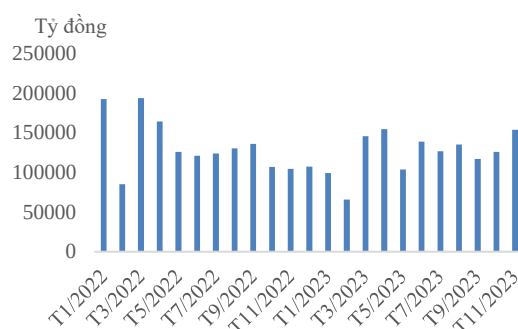
tăng 19,5% và số vốn đăng ký tăng 47%. Vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới trong tháng đạt 10,8 tỷ đồng, tăng 32% so với tháng trước và tăng 23% so với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó, trên cả nước còn có 6.562 nghìn doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, tăng 16,6% so với tháng trước và tăng 4,7% so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung 11 tháng, cả nước có 146 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng số vốn đăng ký là 1.366,2 nghìn tỷ đồng, tăng 6% về số doanh nghiệp, giảm 7,9% về vốn đăng ký so với cùng kỳ năm trước. Vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới đạt 9,4 tỷ đồng, giảm 13,1% so với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó, còn có 55,5 nghìn doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, giảm 2,5% so với cùng kỳ năm trước.

Số doanh nghiệp thành lập mới



Vốn đăng ký kinh doanh mới

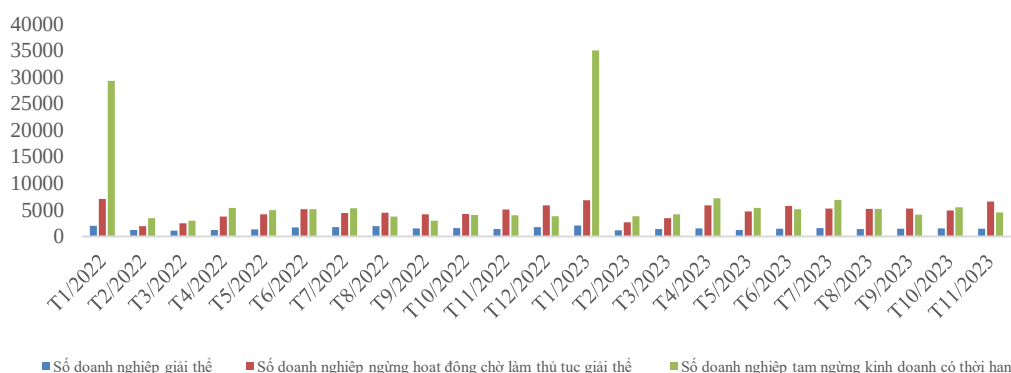


Nguồn: TCTK

Trong tháng 11/2023, trên cả nước có 4.510 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, giảm 18% so với tháng trước và tăng 12,6% so với cùng kỳ năm 2022; có 6.598 doanh nghiệp ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể, tăng 34,7% và tăng 29,5%; có 1.443 doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, giảm 3,9% và tăng 1,5%.

Tính chung 11 tháng, số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn là 85,4 nghìn doanh nghiệp, tăng 21,7% so với cùng kỳ năm trước; gần 57,2 nghìn doanh nghiệp ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể, tăng 26,3%; 16,2 nghìn doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, giảm 4%. Bình quân một tháng có 14,4 nghìn doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường.

Tình hình giải thể, ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể và tạm ngừng kinh doanh có thời hạn



Nguồn: TCTK

Một số VBPL chính sách quan trọng điều tiết hoạt động trên thị trường tiền tệ, ngân hàng được ban hành trong tháng 11/2023

Nghị quyết 181/NQ-CP ngày 02/11/2023 về việc điều chỉnh nhiệm vụ chi thực hiện các chính sách cho vay ưu đãi thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội theo Nghị quyết 11/NQ-CP

Theo đó, điều chỉnh kế hoạch vốn dự kiến không giải ngân hết của 04 chính sách cho vay ưu đãi thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội tối đa 15.500 tỷ đồng để bổ sung cho chính sách cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm, đảm bảo tổng dư nợ các chính sách cho vay ưu đãi theo Nghị quyết 43/2022/QH15 và Nghị quyết 11/NQ-CP ngày 30/01/2022.

Nghị định 78/2023/NĐ-CP ngày 07/11/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 32/2017/NĐ-CP ngày 31/3/2017 của Chính phủ về tín dụng đầu tư của Nhà nước

Theo đó, trước ngày 31/7 hằng năm, Ngân hàng Phát triển Việt Nam xây dựng kế hoạch vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước năm sau gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính với các nội dung gồm:

- Tình hình triển khai và kết quả thực hiện kế hoạch vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước năm thực hiện, dự kiến kế hoạch vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước năm sau;
- Khả năng huy động vốn và cân đối nguồn vốn để thực hiện kế hoạch vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước;
- Kế hoạch cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý, vốn điều lệ của Ngân hàng Phát triển Việt Nam để thực hiện kế hoạch vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước năm sau;
- Giải pháp điều hành, tổ chức thực hiện và dự kiến kết quả đạt được.

Thời hạn cho vay linh động hơn so với quy định cũ. Cụ thể, Ngân hàng Phát triển Việt Nam căn cứ vào kết quả thẩm định dự án, đặc điểm sản xuất, kinh doanh, khả năng thu hồi vốn của từng dự án và khả năng trả nợ của khách hàng để quyết định thời hạn cho vay đối với từng dự án.

Mức lãi suất cho vay tín dụng đầu tư của Nhà nước không thấp hơn 85% lãi suất cho vay bình quân của các ngân hàng thương mại trong nước trong cùng thời kỳ; ngân sách Nhà nước không cấp bù lãi suất và phí quản lý đối với các khoản nợ vay này.

Thông tư 14/2023/TT-NHNN ngày 20/11/2023 quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng

Theo đó, một số nội dung đáng chú ý của Thông tư này như sau:

1. Hệ thống kiểm soát nội bộ phải có 03 tuyến bảo vệ độc lập như sau:

- Tuyến bảo vệ thứ nhất có chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro do các bộ phận sau thực hiện: Các bộ phận kinh doanh (bao gồm cả bộ phận phát triển sản phẩm), các bộ phận có chức năng tạo ra doanh thu khác; các bộ phận có chức năng thực hiện các quyết định có rủi ro; Các bộ phận có chức năng phân bổ hạn mức rủi ro, kiểm soát rủi ro, giảm thiểu rủi ro (thuộc bộ phận kinh doanh hoặc bộ phận độc lập) đối với từng loại hình giao dịch, hoạt động kinh doanh; Bộ phận nhân sự, bộ phận kế toán;
- Tuyến bảo vệ thứ hai có chức năng xây dựng các nội dung liên quan đến quản lý rủi ro, quy định nội bộ về quản trị rủi ro, theo dõi rủi ro và tuân thủ quy định pháp luật do các bộ phận sau đây thực hiện: Bộ phận tuân thủ quy định tại Điều 16 Thông tư này; Bộ phận quản lý rủi ro quy định tại Điều 18 Thông tư này;
- Tuyến bảo vệ thứ ba có chức năng kiểm toán nội bộ do bộ phận kiểm toán nội bộ thực hiện theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và Thông tư này.

2. Hệ thống kiểm soát nội bộ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Yêu cầu về hệ thống kiểm soát nội bộ theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng;
- Phù hợp với quy mô, điều kiện và mức độ phức tạp trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng

phi ngân hàng;

- Có đủ nguồn lực về tài chính, con người, công nghệ thông tin để đảm bảo hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ;
- Xây dựng, duy trì văn hóa kiểm soát, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp cho tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

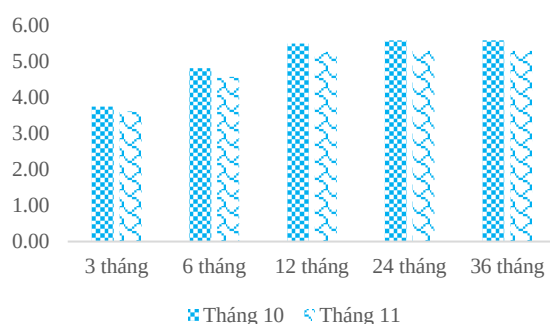
III. DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ, CHỨNG KHOÁN

Lãi suất
huy động
tiếp tục
giảm trên
toàn hệ
thống

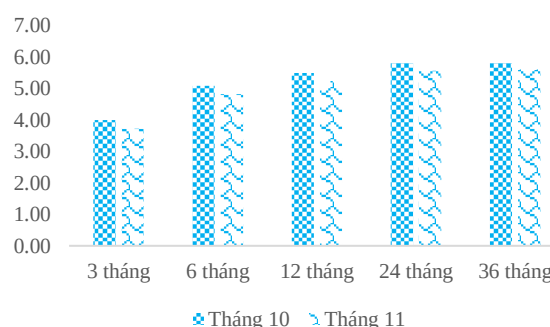
Lãi suất huy động trong nền kinh tế tiếp tục giảm trong toàn hệ thống. Trong khối NHTM có vốn sở hữu của Nhà nước, số ngân hàng điều chỉnh giảm lãi suất xuất hiện nhiều hơn tháng trước. Theo đó, diễn biến giảm đã xuất hiện tại 02 ngân hàng thương mại lớn là Vietcombank và Vietinbank, lãi suất đã được điều chỉnh ở tất cả các kỳ hạn huy động với mức giảm từ 0,2 – 0,4 điểm phần trăm. Bên cạnh đó, các ngân hàng TNHH MTV cũng đã điều chỉnh giảm lãi suất các kỳ hạn huy động với mức giảm từ 0,2 – 0,6 điểm phần trăm ở phần lớn các kỳ hạn. Kết thúc tháng lãi suất huy động các kỳ hạn ở nhóm các ngân hàng lớn giao động trong khoảng 2,7 – 3,3%/năm đối với kỳ hạn huy động 3 tháng; 3,7 – 4,3%/năm đối với kỳ hạn huy động 6 tháng và 4,8 – 5,3%/năm đối với kỳ hạn huy động từ 12 tháng trở lên.

Diễn biến giảm trên diện rộng tiếp tục diễn ra trong khối NHTM CP, trong tháng đã có một số ngân hàng giảm lãi suất từ 2 – 3 lần. Lãi suất huy động kỳ hạn 3 tháng đã giảm trong khoảng 0,05 – 0,6 điểm phần trăm, tập trung giảm mạnh tại các ngân hàng có lãi suất huy động cao trong tháng trước; lãi suất huy động kỳ hạn từ 6 tháng trở lên gần như cũng có khoảng giảm tương tự. Bên cạnh đó, trong tháng đã có khoảng 03 ngân hàng khảo sát điều chỉnh tăng nhẹ 0,02 – 0,07 điểm phần trăm đối với lãi suất huy động kỳ hạn 12 tháng và 36 tháng. Kết thúc tháng 11/2023, lãi suất huy động kỳ hạn 3 tháng giao động trong khoảng 3,3% – 4,45%/năm, kỳ hạn 6 tháng từ 4,4% – 5,5%/năm; kỳ hạn từ 12 tháng trở lên giao động từ 4,1% – 6,6%/năm.

Diễn biến lãi suất huy động bình quân của Khối
NHTM Nhà nước (%)



Diễn biến lãi suất huy động bình quân Khối
NHTM Cổ phần (%)

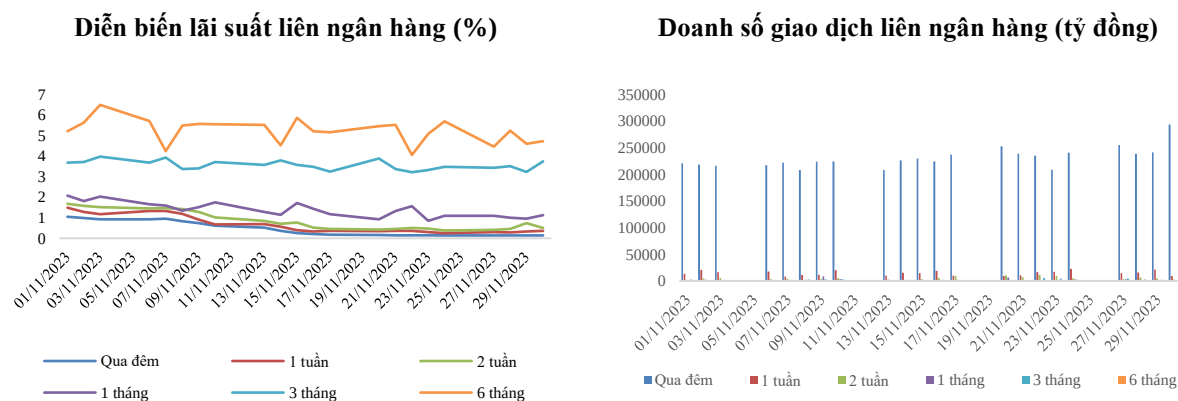


Nguồn: tổng hợp

Lãi suất
liên ngân
hàng đã
giảm trở
lại

Trong tháng 11/2023, lãi suất liên ngân hàng đã giảm trở lại, diễn biến giảm đã xuất hiện ở hầu hết các kỳ hạn. Theo đó, lãi suất kỳ hạn ngắn (qua đêm – 2 tuần) đã có mức giảm tương đương với mức tăng của tháng trước, giao động trong khoảng 0,67 – 1,1 điểm phần trăm so với cuối tháng trước. Lãi suất qua

đêm có diễn biến giảm gần như liên tục kéo dài từ ngày 02/11 đến ngày 24/11 và có diễn biến đi ngang trong tuần giao dịch cuối. Tiếp đến, lãi suất liên ngân hàng kỳ hạn 01 tháng, 6 tháng và 9 tháng cũng đã giảm giao động từ 0,59 – 1,35 điểm phần trăm. Trong khi đó, lãi suất kỳ hạn 3 tháng đã đảo chiều tăng 0,21 điểm phần trăm so với cuối tháng 10. Tính đến cuối tháng 11/2023, lãi suất liên ngân hàng kỳ hạn ngắn (qua đêm – 02 tuần) giao dịch lần lượt là 0,14%/năm; 0,36%/năm và 0,5%/năm; lãi suất liên ngân hàng kỳ hạn từ 1 tháng trở lên giao động trong khoảng 1,13%/năm – 6,43%/năm.

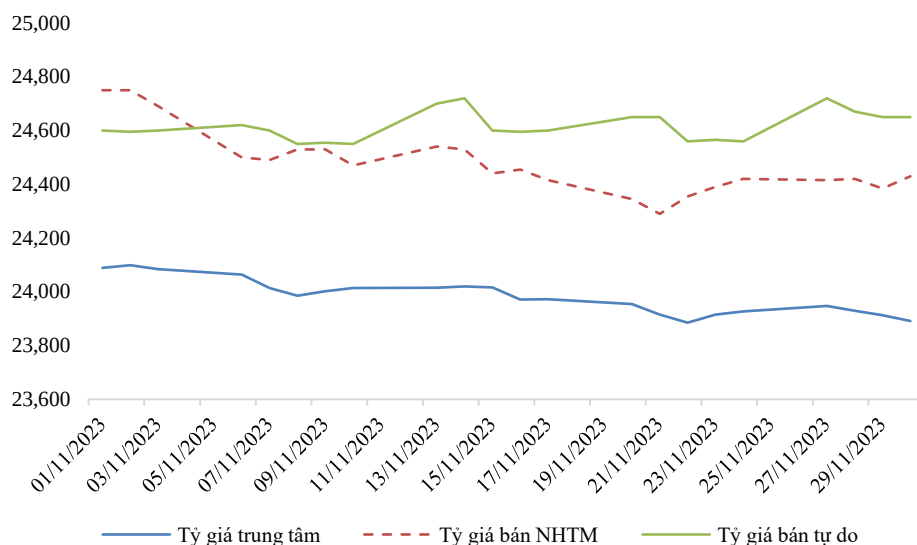


Nguồn: NHNN

Tỷ giá đã hạ nhiệt so với tháng trước Tháng 11/2023 tiếp tục chứng kiến diễn biến phù hợp của cặp tỷ giá USD/VND. Theo đó, tỷ giá trung tâm được điều chỉnh giảm tháng thứ hai liên tiếp ở mức 0,82% so với tháng trước, tương đương với 196 đồng. Trong tháng 11/2023 đã ghi nhận 03 chuỗi điều chỉnh giảm, kéo dài trong 3, 4 ngày giao dịch với mức giảm giao động từ 0,02% - 0,18%/ngày giao dịch. Tính đến cuối tháng, tỷ giá trung tâm công bố ở mức 23.891 USD/VND. Trong khi đó, tỷ giá mua tham khảo trên Sở giao dịch NHNN tiếp tục đi ngang và tỷ giá bán có cùng xu hướng và mức giảm như tỷ giá trung tâm. Tỷ giá mua và bán tham khảo trên Sở giao dịch NHNN vào cuối tháng 11/2023 ở mức 23.400 – 25.035 USD/VND (mua vào - bán ra).

Trên thị trường, tỷ giá giao dịch tại các NHTM và trên thị trường tự do có xu hướng trái chiều. Theo số liệu khảo sát tại Vietcombank và Eximbank, tỷ giá giao dịch đã giảm xuống so với tháng trước, mức giảm ở cả hai chiều mua và bán, giao động từ 1,21% - 1,22%, diễn biến giảm xuất hiện chủ yếu từ ngày 03 – 21/11 với biên độ giao động từ 0,02% - 0,78%/ngày giao dịch. Kết thúc tháng, tỷ giá giao dịch tại Vietcombank là 24.090 – 24.430 USD/VND (mua vào – bán ra). Bên cạnh đó, tỷ giá giao dịch trên thị trường tự do duy trì xu hướng tăng so với tháng trước, theo số liệu khảo sát, mức tăng chiều mua và chiều bán lần lượt là 0,15% và 0,23%. Tỷ giá giao dịch trên thị trường tự do vào thời điểm khảo sát cuối tháng là 24.600 – 24.650 USD/VND (mua vào – bán ra), chênh lệch tỷ giá bán trên thị trường tự do so với tỷ giá bán của Vietcombank khoảng 220 đồng.

Diễn biến tỷ giá VND/USD

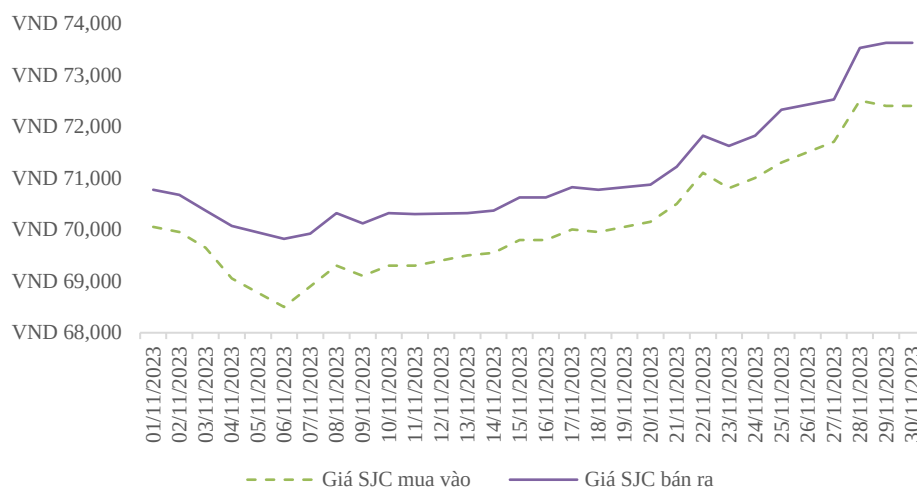


Nguồn: NHNN và tổng hợp

Giá vàng trong nước tăng mạnh hơn giá vàng thế giới

Tháng 11/2023 tiếp tục ghi nhận diễn biến tăng mạnh của giá vàng giao dịch trong nền kinh tế, giá vàng gần như có biến động tăng liên tục qua các ngày giao dịch, thiết lập các mức giá cao mới kể từ đầu năm. Giá vàng SJC bán ra đã giữ vững được mức giá trên 70 triệu đồng/lượng kể từ ngày 08/11, thậm chí giá vàng SJC giao dịch trên thị trường đã có lúc vượt mốc 74 triệu đồng/lượng. Đồng thời, giá mua vào cũng đã cán mốc 70 triệu đồng/lượng vào ngày 17/11. Chênh lệch giá mua vào – bán ra liên tục tăng từ mức 720.000 đồng /lượng vào đầu tháng lên đến hơn 1 triệu đồng/lượng. Theo dữ liệu khảo sát, giá vàng SJC giao dịch đã tăng khoảng 3% – 4% (mua vào – bán ra) so với tháng trước và có nhiều ngày giao dịch diễn biến ngược chiều với giá vàng thế giới. Kết thúc tháng 11/2023, giá vàng SJC giao dịch ở thời điểm khảo sát là 72,4 – 73,62 triệu đồng/lượng đối với chiều mua vào – bán ra. Chênh lệch giá bán vàng trong nước và quốc tế khoảng hơn 13 triệu đồng/lượng.

Diễn biến giá vàng trong nước

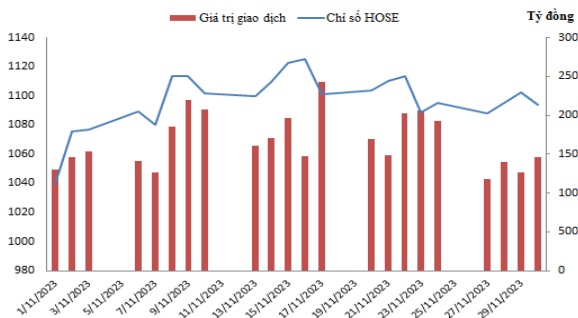


Nguồn: sjc.com.vn

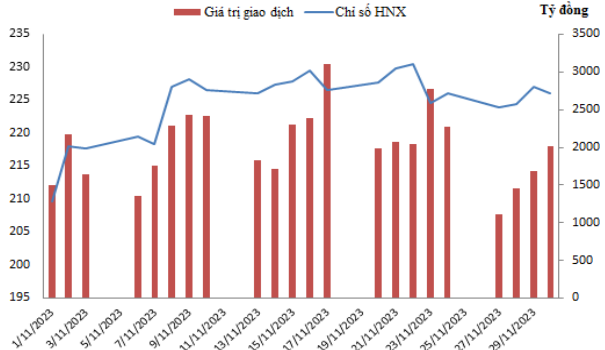
Thị trường chứng khoán Việt Nam tăng điểm

Thị trường chứng khoán Việt Nam đã có nhịp hồi phục tốt trong tháng 11 sau 02 tháng giảm liên tiếp. Kết thúc phiên giao dịch cuối cùng của tháng 11/2023, chỉ số VN-Index đạt 1.094,13 điểm, tăng 6,41% so với tháng 10; chỉ số HNX-Index đạt 226,15 điểm, tăng 9,69% và chỉ số UPCoM-Index đạt 84,99 điểm, tăng 5,02%. Tất cả các chỉ số ngành trên sàn HOSE đều tăng điểm, mức tăng mạnh nhất ở ngành nguyên vật liệu (+16,04%), ngành năng lượng (15,42%) và ngành công nghiệp (14,7%).

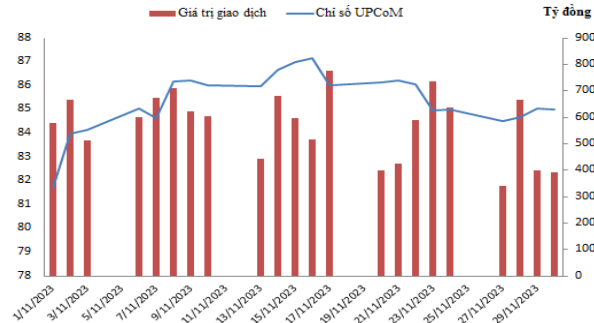
Diễn biến chỉ số HOSE tháng 11 năm 2023



Diễn biến chỉ số HNX tháng 11 năm 2023



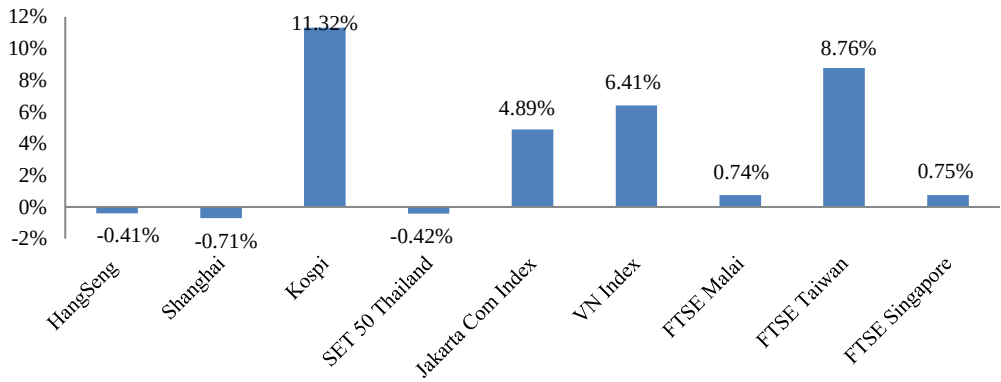
Diễn biến chỉ số UPCOM tháng 11 năm 2023



Nguồn: stockbiz.com

Kết thúc tháng 11/2023, Việt Nam là thị trường chứng khoán tăng trưởng mạnh thứ 3 trong khu vực, chỉ sau Hàn Quốc và Đài Loan.

Mức biến động của một số chỉ số chủ chốt trong khu vực Châu Á tháng 11/2023

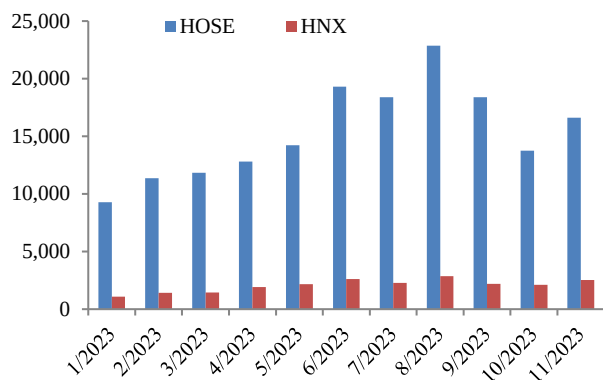


Nguồn: Bloomberg

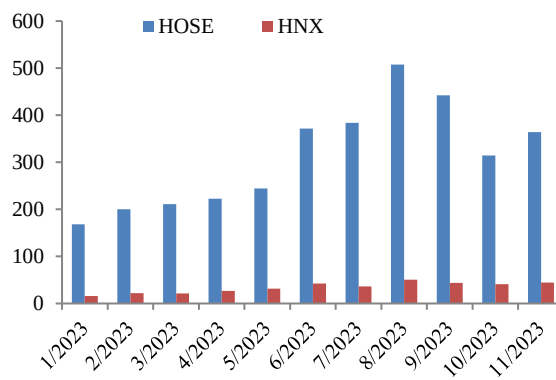
Thanh khoản thị trường tháng 11/2023 tăng trưởng mạnh cả về khối lượng giao dịch và giá trị giao dịch so với tháng trước. Trên sàn HOSE, khối lượng giao

địch tăng 20,69% lên 16,61 tỷ cổ phiếu và giá trị giao dịch tăng 15,98% lên 364,36 nghìn tỷ đồng. Trên sàn HNX, khối lượng giao dịch tăng 19,77% lên 2,53 tỷ cổ phiếu và giá trị giao dịch tăng 8,35% lên 44,36 nghìn tỷ đồng. Tính chung trên cả 2 sàn giao dịch chính thức, tổng khối lượng giao dịch tăng 20,57% lên 19,14 tỷ cổ phiếu và tổng giá trị giao dịch tăng 15,1% lên 408,72 nghìn tỷ đồng.

Khối lượng giao dịch giai đoạn 1/2023 - 11/2023



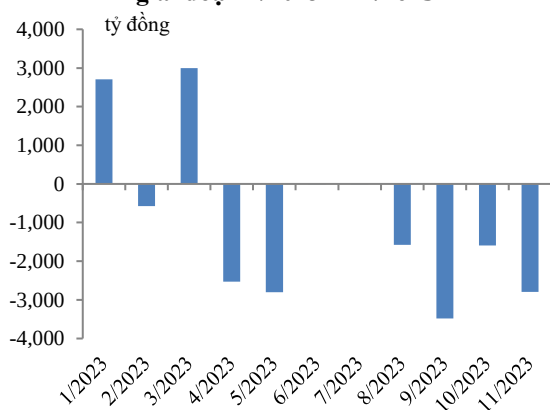
Giá trị giao dịch giai đoạn 1/2023 - 11/2023



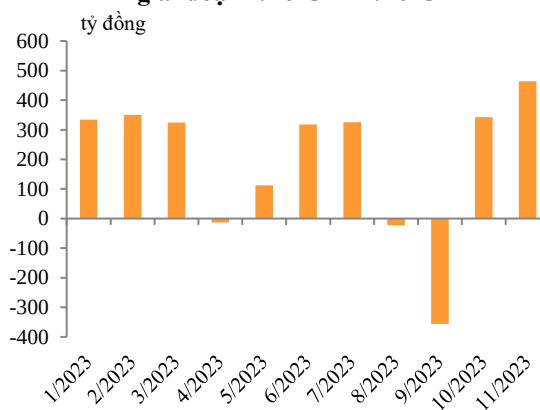
Nguồn: stockbiz.com

Các nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục duy trì trạng thái bán ròng trên sàn HOSE và mua ròng trên sàn HNX trong tháng 11/2023. Trên sàn HOSE, nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục bán ròng 2.792,56 tỷ đồng, tăng 75,18% so với mức bán ròng trong tháng trước. Trong khi đó, trên sàn HNX, khối ngoại tiếp tục mua ròng 464,44 tỷ đồng trong tháng 11, tăng 35,58% so với tháng trước. Mã cổ phiếu được nhà đầu tư nước ngoài bán ròng nhiều nhất trên sàn HOSE là VHM, MWG, VPB, FUESSV, VNM... và mua ròng nhiều nhất trên sàn HNX là SHS, IDC, PVS, HUT, EVS...

**Khối ngoại mua bán ròng trên sàn HOSE
giai đoạn 1/2023 - 11/2023**



**Khối ngoại mua bán ròng trên sàn HNX
giai đoạn 1/2023 - 11/2023**



Nguồn: stockbiz.com

Tại thời điểm cuối tháng 11/2023, giá trị vốn hóa cổ phiếu đang niêm yết trên sàn HOSE đạt hơn 4,4 triệu tỷ đồng, tăng 6,46% so với tháng trước, tương đương 46,34% GDP năm 2022.

